

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**PHÂN LÂN NUNG CHÁY VẠN ĐIỆN**



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100103143 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 06/08/2012, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 06/05/2014)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG**  
**KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Quyết định đăng ký niêm yết số ..... 178/QĐ/SGDHCM do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 05 năm 2015)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHÁY VẠN ĐIỆN**

Đường Phan Trọng Tuệ - Xã Tam Hiệp - Huyện Thanh Trì, Hà Nội

Điện thoại 04 3688 4489

Fax: 04 3688 4277

Website: [www.vandienfmp.vn](http://www.vandienfmp.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Trụ sở chính: Tầng 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 3823 3299

Fax: 08 3823 3301

Chi nhánh Hà Nội: 66A Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04 3933 4693

Fax: 04 3933 4822

Website: [www.hsc.com.vn](http://www.hsc.com.vn)

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Bà Nguyễn Thị Sen - Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Vạn Điện

Số điện thoại: 04 3688 4489/0986 262 437

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHẤY VĂN ĐIỂN**

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100103143 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 06/08/2012, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 06/05/2014)

Địa chỉ trụ sở chính: Đường Phan Trọng Tuệ - Xã Tam Hiệp - Huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04 3688 4489

Fax: 04 3688 4277

Website: [www.vandienfmp.vn](http://www.vandienfmp.vn)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU  
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

<b>Tên cổ phiếu:</b>	<b>Cổ phiếu Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển</b>
<b>Loại cổ phiếu:</b>	Cổ phiếu phổ thông
<b>Mệnh giá:</b>	10.000 VNĐ
<b>Tổng số lượng niêm yết:</b>	28.973.457 cổ phiếu
<b>Tổng giá trị niêm yết:</b>	289.734.570.000 VNĐ

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)

Trụ sở chính: Số 160, Phố Phương Liệt, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04 38689566 Fax: 04 38686248

Website: <http://www.kiemtoanava.com.vn>



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN & TƯ VẤN THUẾ AAT**

Trụ sở chính: P.2407 nhà 34T – Khu ĐTM Trung Hòa Nhân Chính, Đường

Hoàng Đạo Thúy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04 2221 0082      Fax: 04 2221 0084

**TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Trụ sở chính: Tầng 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 3823 3299      Fax: 08 3823 3301

Chi nhánh Hà Nội: 66A Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04 3933 4693      Fax: 04 3933 4822

Website: [www.hsc.com.vn](http://www.hsc.com.vn)

**MỤC LỤC**

<b>I</b>	<b>CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....</b>	<b>7</b>
1.	Rủi ro về kinh tế .....	7
2.	Rủi ro về luật pháp.....	8
3.	Rủi ro đặc thù.....	9
4.	Rủi ro cạnh tranh .....	11
5.	Rủi ro lãi suất.....	12
6.	Rủi ro khác.....	12
<b>II</b>	<b>NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....</b>	<b>13</b>
1.	Tổ chức niêm yết .....	13
2.	Tổ chức tư vấn .....	13
<b>III</b>	<b>CÁC KHÁI NIỆM.....</b>	<b>14</b>
<b>IV</b>	<b>TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....</b>	<b>16</b>
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	16
2.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty .....	22
3.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỷ lệ nắm giữ) (tính đến thời điểm 05/03/2015).....	25
4.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: .....	25
5.	Hoạt động kinh doanh.....	26
5.1	<i>Danh mục các sản phẩm chính và Quy trình sản xuất.....</i>	<i>26</i>
5.2	<i>Sản phẩm phụ: Supe Téc mô.....</i>	<i>31</i>
5.3	<i>Sản lượng sản phẩm trong năm 2013 -2014; tỷ lệ trong doanh thu và lợi nhuận.....</i>	<i>31</i>
5.4	<i>Nguyên vật liệu .....</i>	<i>32</i>
5.5	<i>Chi phí sản xuất .....</i>	<i>34</i>
5.6	<i>Trình độ công nghệ .....</i>	<i>35</i>
5.7	<i>Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....</i>	<i>37</i>
5.8	<i>Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm .....</i>	<i>37</i>
5.9	<i>Hoạt động marketing và tiêu thụ sản phẩm .....</i>	<i>39</i>
5.10	<i>Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền .....</i>	<i>40</i>
5.11	<i>Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết .....</i>	<i>40</i>
6.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....	41
6.1	<i>Kết quả hoạt động kinh doanh.....</i>	<i>41</i>
6.2	<i>Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo: .....</i>	<i>44</i>
7.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành .....	46



8.	Chính sách đối với người lao động .....	51
9.	Chính sách cổ tức.....	53
10.	Tình hình hoạt động tài chính .....	53
10.1	<i>Các chỉ tiêu cơ bản</i> .....	53
10.2	<i>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</i> .....	56
11.	Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng .....	57
12.	Tài sản.....	69
13.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	69
14.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức .....	74
15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết: .....	74
15.1	<i>Kế hoạch thực hiện dự án nhà máy tại Bim Sơn, Thanh Hóa</i> .....	74
15.2	<i>Kế hoạch thực hiện dự án nhà máy NPK Thái Bình</i> .....	75
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết: Không có .....	75
<b>V</b>	<b>CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT</b> .....	<b>75</b>
1.	Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.....	75
2.	Mệnh giá: 10.000 VNĐ .....	75
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết: 28.973.457 cổ phiếu .....	75
4.	Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành	75
5.	Phương pháp tính giá:.....	77
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài .....	79
7.	Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến chứng khoán niêm yết).....	79
<b>VI</b>	<b>CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT</b> .....	<b>79</b>
<b>VII</b>	<b>PHỤ LỤC</b> .....	<b>80</b>

**DANH MỤC BẢNG**

BẢNG 1: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẴM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN.....	25
BẢNG 2: CƠ CẤU CỔ ĐÔNG .....	25
BẢNG 3: TỔNG SẢN LƯỢNG SẢN PHẨM TIÊU THỤ (ĐƠN VỊ: TẤN).....	31
BẢNG 4: CƠ CẤU SẢN PHẨM & DỊCH VỤ THEO TỔNG DOANH THU (ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG).....	31
BẢNG 5: CƠ CẤU SẢN PHẨM & DỊCH VỤ THEO TỔNG LỢI NHUẬN GỘP (ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG)....	32
BẢNG 6: NHÀ CUNG CẤP NGUYÊN VẬT LIỆU CHÍNH .....	32
BẢNG 7: TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN LIỆU TRUNG BÌNH (BAO GỒM CẢ THUẾ) (ĐƠN VỊ: VNĐ/TẤN).....	34
BẢNG 8: CƠ CẤU CHI PHÍ TRÊN DOANH THU (ĐƠN VỊ: ĐỒNG) .....	34
BẢNG 9: CÁC THIẾT BỊ DÂY CHUYỀN MÁY MÓC .....	36
BẢNG 10: CÁC HỢP ĐỒNG LỚN CUNG CẤP SẢN PHẨM CHO ĐỐI TÁC ĐÓ KÝ KẾT/ĐANG ĐƯỢC THỰC HIỆN.....	41
BẢNG 11: KẾT QUẢ HĐKD (ĐƠN VỊ: TỶ ĐỒNG).....	41
BẢNG 12: CÁC DOANH NGHIỆP PHÂN BÓN LỚN TRONG NƯỚC.....	46
BẢNG 13: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SO VỚI CÁC CÔNG TY TRONG NGÀNH.....	48
BẢNG 14: PHÂN LOẠI LAO ĐỘNG .....	51
BẢNG 15: KHẤU HAO TÀI SẢN .....	54
BẢNG 16: CÁC LOẠI THUẾ (SỐ DƯ CUỐI KỲ, ĐƠN VỊ: VNĐ) .....	54
BẢNG 17: TRÍCH LẬP CÁC QUỸ (SỐ DƯ CUỐI KỲ, ĐƠN VỊ: VNĐ).....	55
BẢNG 18: KHOẢN PHẢI THU (SỐ DƯ CUỐI KỲ, ĐƠN VỊ: VNĐ).....	55
BẢNG 19: KHOẢN PHẢI TRẢ (SỐ DƯ CUỐI KỲ) .....	55
BẢNG 20: CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH .....	56
BẢNG 21: TÌNH HÌNH ĐẤT ĐAI TÍNH ĐẾN HIỆN TẠI .....	69
BẢNG 22: KẾ HOẠCH KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC.....	69
BẢNG 23: SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG .....	75



## I CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro kinh tế là những biến đổi của nền kinh tế và sự thay đổi của các chính sách kinh tế có thể gây ra ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

Trong quá trình hội nhập vào nền kinh tế thế giới, Việt Nam đã được gia nhập WTO, các nhà đầu tư nước ngoài với khả năng tài chính dồi dào, công nghệ cao, kinh nghiệm hoạt động lâu năm sẽ thâm nhập dễ dàng hơn vào thị trường Việt Nam và cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước. Các cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính ở mức độ khu vực và thế giới khi xảy ra sẽ tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế Việt Nam. Các thách thức của hội nhập kinh tế sẽ là những yếu tố biến động khó lường, sẽ có tác động lớn đến tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam, làm tăng mức độ rủi ro đối với hoạt động của các doanh nghiệp.

Tuy nhiên, cùng với những lợi ích từ việc hội nhập với nền kinh tế thế giới, Việt Nam cũng đang phải đối mặt với những thách thức và khó khăn trong quá trình hội nhập. Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới khiến tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam năm 2008 lên đến 18,9%, trong khi tốc độ tăng trưởng GDP 2008 đã bắt đầu suy giảm ở mức 6,23% so với mức 8,48% năm 2007. Tổng sản phẩm (GDP) năm 2009 là 5,23%, năm 2010 là 6,78%, năm 2011 là 5,89% và năm 2012 là 5,03% (Nguồn: Tổng cục thống kê).

Theo Nghị quyết 31/2012/QH13 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2013, các chỉ tiêu chủ yếu bao gồm: tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 5,5%, tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) khoảng 8%, nhập siêu khoảng 8% và xuất khẩu tăng 10%. Bức tranh kinh tế trong năm 2013 tuy đã có dấu hiệu tích cực hơn so với năm 2012, tuy nhiên vẫn chưa thể hiện được sự cải thiện vững chắc để thoát khỏi khủng hoảng. Các doanh nghiệp trong nước vẫn chịu áp lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh như lượng hàng tồn kho ở mức cao, lượng cầu yếu, v.v và đặc biệt là tình hình nợ xấu trong hệ thống ngân hàng vẫn gây áp lực cho cả nền kinh tế. GDP năm 2013 ở mức 5,42%, tuy chưa đạt được mục tiêu đạt ra là 5,5% nhưng đã thể hiện bước cải thiện so với năm 2012. Tình hình kinh tế năm 2014 đã có sự khởi sắc trong sản xuất nói chung, cùng với những biện pháp hỗ trợ của Chính phủ, đã đạt được mức tăng trưởng ở mức 5,98%, thể hiện dấu hiệu tăng tích cực của nền kinh tế so với năm 2012 và 2013. Nhờ sự phục hồi về kinh tế vĩ mô nói chung đã tác động tích cực tới hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp, trong đó VADFCO đã có bước tăng trưởng nhẹ trong sản lượng tiêu thụ (3,7%) so với



năm 2013. Tuy nhiên, theo báo cáo của Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia, tuy đã thoát đáy nhưng nền kinh tế phục hồi ở mức chậm và đặc biệt là ngành nông nghiệp chịu áp lực từ việc giảm giá nông sản, kéo theo mặt hàng phân bón có xu hướng giảm giá khiến doanh thu trong năm 2014 của Công ty cũng chịu những ảnh hưởng nhất định. Để hạn chế bớt tác động của rủi ro kinh tế lên hoạt động kinh doanh, trong năm 2015 Công ty chú trọng tiếp tục cải tiến hệ thống quản trị, nâng cao chất lượng phục vụ và sản phẩm nhằm tăng cường vị thế sẵn có của mình trên thị trường nội địa và tiến tới mở rộng xuất khẩu.

## 2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đang được điều chỉnh chủ yếu bởi các luật sau: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật sở hữu trí tuệ, Luật về bảo vệ môi trường, v.v. Ngoài ra, Công ty còn chịu tác động của các chính sách và chiến lược của ngành. Hệ thống pháp luật của nước ta hiện nay chưa được hoàn chỉnh, việc vận dụng pháp luật vào thực tế còn nhiều khó khăn. Sự điều chỉnh của các văn bản luật thuộc các lĩnh vực nêu trên còn thiếu nhất quán, thiếu ổn định và có những quy định chồng chéo nhau, đôi khi các văn bản hướng dẫn thi hành chưa đầy đủ, thiếu cập nhật gây khó khăn trong việc áp dụng. Tuy nhiên, việc Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) cũng là điều kiện thuận lợi để môi trường pháp lý được cải thiện hơn và tuân theo các quy định chung của quốc tế.

Đặc biệt, với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, Chính phủ cũng đang từng bước hoàn chỉnh hệ thống pháp luật tạo sự thông thoáng hơn về các thủ tục hành chính để tạo môi trường kinh doanh tốt hơn, nên rủi ro pháp luật không có ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của Công ty nhưng sẽ tác động đến công tác hoạch định các chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Hoạt động của Công ty còn phải chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Khi Công ty đã trở thành công ty đại chúng và niêm yết chính thức thì phải tuân theo các quy định của Luật Chứng khoán. Hiện nay các văn bản trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi là khó tránh khỏi, ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, Nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt các hệ thống



các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội. Về phía Công ty, các cán bộ chuyên trách đều được đào tạo, cập nhật các chính sách mới nhất để đảm bảo việc tuân thủ các quy định của luật pháp.

### 3. Rủi ro đặc thù

#### *a. Yếu tố thời tiết và môi trường*

Sự thay đổi của môi trường và thời tiết vào những năm gần đây liên tiếp gây ra những tác động xấu như lũ lụt, hạn hán, sâu bệnh v.v. làm ảnh hưởng mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất nông nghiệp. Lượng cầu phân bón sẽ giảm đáng kể khi xảy ra lũ lụt, hạn hán do việc sản xuất bị đình trệ; tuy nhiên yếu tố lũ lụt làm xói mòn đất khiến đất bị rửa trôi các khoáng chất cũng khiến lượng phân bón cần thiết phải tiêu thụ tăng lên. Do vậy, sản lượng tiêu thụ của sản phẩm phân bón chịu ảnh hưởng trực tiếp vào rủi ro khó đoán được trước này; tuy vậy, Công ty luôn cố gắng theo dõi tình hình thị trường nhằm chuẩn bị trước những tác động bất chợt của thời tiết lên lượng cầu phân bón.

Hoạt động trong lĩnh vực hóa chất, Công ty đặc biệt chú trọng và bám sát chặt chẽ đến những tiêu chuẩn bảo vệ môi trường quy định bởi các chính sách của Nhà nước do thường xuyên được sự kiểm tra giám sát của các đơn vị liên quan trong khu vực. Sự thay đổi những quy định, chính sách bảo vệ môi trường trong tương lai cũng sẽ tác động đến công nghệ và quy trình sản xuất, dẫn tới thay đổi chi phí và lợi nhuận của Công ty.

#### *b. Rủi ro liên quan đến hàng giả và các biện pháp hạn chế*

Tình trạng hàng nhái, hàng giả hiện đang là vấn nạn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến với các nhà sản xuất có uy tín trong nước, làm giảm niềm tin của người tiêu dùng. Trong lĩnh vực phân bón, Chính phủ đã ban hành nghị định số 202/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013, có hiệu lực từ năm 2014, trong đó quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu phân bón, quản lý chất lượng, kiểm nghiệm v.v.. nhằm giảm thiểu tối đa nguồn cung phân bón kém chất lượng trên thị trường. Tuy nhiên, tại thị trường phân bón trong nước, với xu thế lượng cung phân bón ngày càng tăng so lượng cầu, tình trạng hàng nhái, hàng giả vẫn chưa được xử lý triệt để. Đối với sản phẩm phân bón của Công ty, cho đến nay chưa phát hiện trường hợp hàng giả nào. Tuy nhiên, Công ty luôn chủ động thực hiện các biện pháp để phòng ngừa và xử lý ngay khi có ý kiến liên quan đến sản phẩm phân bón của Công ty, cụ thể là:



- Thông tin chi tiết về Công ty và sản phẩm trên bao bì (tên Công ty, điện thoại liên hệ, tên loại phân bón, hàm lượng dinh dưỡng, cách sử dụng, ngày sản xuất v.v.);
- Thường xuyên thông tin về sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng, các hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn kỹ thuật sử dụng phân bón v.v. để nâng dân hiểu và phân biệt sản phẩm phân bón Văn Điển với các sản phẩm phân bón do đơn vị khác sản xuất;
- Kết hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp trong lĩnh vực phân bón, với các nhà phân phối, trực tiếp tiếp nhận thông tin của nông dân để xử lý ngay các vấn đề liên quan đến sản phẩm.

**c. *Rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào, xu hướng giá phân bón giảm ở thị trường đầu ra và các biện pháp hạn chế***

Biến động giá đầu vào là rủi ro có tính chất hệ thống trong toàn ngành sản xuất phân bón. Trường hợp giá nguyên liệu sản xuất phân bón tăng sẽ làm tăng chi phí đầu vào, làm tăng giá thành sản phẩm, ảnh hưởng tới sức cạnh tranh của sản phẩm và kế hoạch lợi nhuận của Công ty.

Nhằm hạn chế tối đa những tác động tăng giá của nguyên vật liệu đầu vào, trong những năm qua, Công ty đã bám sát tình hình thị trường nguyên vật liệu để mua tại những thời điểm có giá cả phù hợp, chuẩn bị trước lượng nguyên liệu dự phòng cần thiết cho kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

Do hiện nay nguồn cung phân bón trong và ngoài nước đang có xu hướng tăng dẫn tới cạnh tranh về giá bán nên buộc Công ty phải hạ giá bán để đảm bảo sức cạnh tranh, làm ảnh hưởng đến kế hoạch lợi nhuận của Công ty.

Để đảm bảo kế hoạch lợi nhuận, đồng thời cạnh tranh với các sản phẩm trên thị trường, hàng năm Công ty đã thực hiện các biện pháp:

- Về mặt sản xuất: Công ty luôn nỗ lực đảm bảo chất lượng sản phẩm đồng thời giảm chi phí sản xuất để cạnh tranh. Việc hạ giá thành sản phẩm thực hiện thông qua các biện pháp chính như áp dụng các giải pháp khoa học kỹ thuật, cải tiến công nghệ, máy móc thiết bị để giảm chi phí sản xuất.

- Về mặt tiêu thụ: Công ty có lợi thế cạnh tranh với các đối thủ trong ngành qua việc thiết lập được một mạng lưới các khách hàng lâu năm luôn gắn bó với sản phẩm phân lân nung chảy; bên cạnh đó Công ty cũng luôn nỗ lực không ngừng mở rộng mạng lưới tiếp cận đến các khách hàng mới. Để tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm, Công ty duy trì chất lượng sản phẩm ở



mức cao và ổn định, đảm bảo chất lượng dịch vụ cho khách hàng lâu năm cũng như khách hàng mới ở mức tốt nhất có thể. Về chính sách bán hàng và marketing, Công ty áp dụng cơ chế bán hàng linh hoạt, đảm bảo lợi ích của nhà phân phối, người sử dụng, tăng cường quảng cáo, tuyên truyền, giới thiệu sản phẩm trên các phương tiện truyền thông, hội nghị, hội thảo.

**d. Ảnh hưởng của việc tạm dừng Dự án nhà máy phân bón NPK Thái Bình đối với kế hoạch kinh doanh của Công ty**

Từ tháng 02/2009 đến tháng 9/2010, Dự án nhà máy NPK Thái Bình đã triển khai được khoảng 70% khối lượng xây dựng. Từ tháng 10/2010 đến tháng 02/2012, tỉnh Thái Bình đã hai lần thông báo thu hồi một phần đất của Dự án nhà máy NPK Thái Bình (khoảng 5.000 m<sup>2</sup>) để làm đường. Cho đến nay, tỉnh Thái Bình vẫn chưa phê duyệt phương án đền bù cho Công ty và chưa ra quyết định thu hồi đất. Do đó, hiện Công ty vẫn chưa bàn giao phần đất mà tỉnh Thái Bình yêu cầu. Dự án đang phải tạm dừng chờ quyết định thu hồi đất của tỉnh Thái Bình. Để giảm thiểu thiệt hại; trong năm 2013, Công ty đã đưa toàn bộ các dây chuyền thiết bị công nghệ của dự án nhà máy NPK Thái Bình (chưa lắp đặt tại Thái Bình) để lắp đặt và phục vụ sản xuất NPK tại trụ sở chính của Công ty ở Thanh Trì, Hà Nội.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 08/4/2015, Hội đồng quản trị Công ty đã báo cáo Đại hội về phương hướng giải quyết Dự án nhà máy NPK Thái Bình như sau: Sau khi tỉnh Thái Bình có quyết định thu hồi đất chính thức, trên cơ sở diện tích đất còn lại của Dự án và tình hình thực tế, Hội đồng quản trị sẽ lập phương án điều chỉnh Dự án để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất thông qua.

Năm 2014, sản lượng tiêu thụ NPK của Công ty là xấp xỉ 50.000 tấn. Dự kiến trong năm 2015 và những năm tiếp theo, lượng tiêu thụ NPK của Công ty tăng từ 15-20%/năm. Với công suất sản xuất NPK hiện có của Công ty là 200.000 tấn/năm, Công ty hoàn toàn có thể đảm bảo kế hoạch tiêu thụ NPK đề ra. Do đó, việc tạm dừng dự án NPK Thái Bình không ảnh hưởng lớn tới kế hoạch kinh doanh của Công ty.

#### **4. Rủi ro cạnh tranh**

Việc gia nhập các tổ chức kinh tế thế giới như WTO, AFTA v.v. đã mang lại những tiềm năng to lớn cũng như đưa đến nhiều thách thức cho các Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phân bón. Đó chính là cơ hội để mở rộng hoạt động kinh doanh, mở rộng sản xuất hướng tới thị trường quốc tế với những cạnh tranh mạnh mẽ về chất lượng cũng như dịch vụ. Sự cạnh tranh này sẽ tạo điều kiện cho Công ty tăng cường năng lực, về chất lượng sản phẩm



dịch vụ cũng như về cách thức quản lý và hoạt động sản xuất. Tuy nhiên, vì tính đặc thù của ngành gắn trực tiếp với ngành nông nghiệp của nước ta, các chính sách bảo vệ sản xuất trong nước sẽ được Chính phủ thực thi nhằm bảo hộ cho người nông dân. Điều này phần nào sẽ giảm thiểu mức độ cạnh tranh sau khi hội nhập.

#### **5. Rủi ro lãi suất**

Trong năm 2013, mặc dù lãi suất trên thị trường hiện nay có xu hướng giảm dần so với các năm trước đó nhưng lãi suất cho vay trên thị trường vẫn ở mức xấp xỉ 9-11,5%/năm, với mức lãi suất này các công ty vay vốn từ ngân hàng phải trả mức tiền lãi tương đối cao cho ngân hàng trong bối cảnh sản xuất khó khăn, làm giảm đáng kể lợi nhuận của các công ty. Ở các lĩnh vực ưu tiên mức lãi suất chỉ còn 7-9% nhằm tạo điều kiện tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Trong năm 2014, mặt bằng lãi suất huy động giảm hơn nữa từ 0,5-1,5% so với thời điểm cuối năm 2013 và được dự báo là sẽ có xu hướng giảm trong năm 2015 khiến doanh nghiệp có thể tiếp cận dễ dàng hơn với nguồn vốn, nhằm kích thích tăng trưởng của cả nền kinh tế.

Hiện tại, Công ty không có vay ngân hàng kể cả vay nợ ngắn hạn và vay nợ dài hạn từ ngân hàng nên Công ty không phải lo lắng về loại rủi ro này. Nhưng trong tương lai khi Công ty mở rộng hoạt động đầu tư thêm thông qua việc vay ngân hàng để đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón tại Khu B- khu công nghiệp Bim Sơn, Thanh Hóa thì khi đó Công ty sẽ chịu tác động của rủi ro này.

#### **6. Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, giá cổ phiếu của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn v.v... là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại lớn về vật chất mà không thể ngăn chặn được, sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



**II NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG  
BẢN CÁO BẠCH****1. Tổ chức niêm yết****CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHẤY VĂN ĐIỂN (VADFCO)**

Ông Lâm Thái Dương	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Hoàng Văn Tại	Chức vụ: Tổng giám đốc - Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Trần Quốc Cường	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hiền	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

**2. Tổ chức tư vấn****CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (HSC)**

Trụ sở chính: Tầng 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 3823 3299 Fax: 08 3823 3301

Chi nhánh Hà Nội: 66A Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04 3933 4693 Fax: 04 3933 4822

Đại diện theo pháp luật: Ông Johan Nyvene – Tổng giám đốc

Giám đốc điều hành - chi nhánh Hà Nội: Ông Bạch Quốc Vinh

*(Theo giấy ủy quyền số 04-2013/GUQ-HSC ngày 22/01/2013 do Tổng Giám Đốc CTCP Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh)*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển cung cấp.

**III CÁC KHÁI NIỆM**

- *Công ty*: Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
- *VADFCO*: Tên viết tắt Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
- *Vinachem*: Tên viết tắt của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
- *BHXH*: Bảo hiểm xã hội
- *CBCNV*: Cán bộ công nhân viên
- *HĐLĐ*: Hợp đồng lao động
- *HĐKD*: Hoạt động kinh doanh
- *NLĐ*: Người lao động
- *TSCĐ*: Tài sản cố định
- *VCSH*: Vốn chủ sở hữu
- *WIPO*: Tổ chức Trí tuệ thế giới
- *VIFOTEC*: Quỹ hỗ trợ sáng tạo kỹ thuật Việt Nam
- *ĐTXDCB*: Đầu tư xây dựng cơ bản
- *BTP*: Bán thành phẩm
- *XNK*: Xuất nhập khẩu
- *TNHH*: Trách nhiệm hữu hạn
- *Phân đạm (N)*: Là loại dinh dưỡng quan trọng nhất, có tác dụng làm cây xanh tốt, sinh trưởng chiều cao và khối lượng thân lá, mầm chồi v.v.
- *Phân lân (P)*: Là loại dinh dưỡng có chứa phot pho, đặc biệt để phát triển bộ rễ cây. Cây dinh dưỡng đủ lân còn tăng quá trình đơm hoa, kết quả, chắc hạt. Thiếu lân ảnh hưởng tới quá trình hình thành và chắc hạt nên năng suất giảm rõ rệt v.v.
- *Phân kali (K)*: Có tác dụng tốt cho việc tổng hợp đường bột, xellulo, làm cây cứng cáp, giúp quả lớn nhanh, hạt mẩy, tăng độ ngọt v.v.



- *Phân lân nung chảy*: Là loại phân đa chất, ngoài chất dinh dưỡng chính là lân ( $P_2O_5$ ) còn có các chất dinh dưỡng khác rất cần thiết cho cây trồng và cải tạo đất như vôi (canxi), ma-nê, silic, đồng, bo, mangan, kẽm, molipden, coban, v.v.
- *Phân NPK*: Là loại phân đa lượng bao gồm 3 nguyên tố Đạm (N), Lân (P) và Kali (K).
- *Phân Supe Tec mô*: Là loại phân lân phối trộn giữa Supe lân và Phân lân nung chảy Văn Điển. Loại phân này phát huy được ưu điểm của hai loại phân: Supe lân tan ngay để cây hấp thụ thời kỳ đầu, Lân nung chảy chậm tan để cung cấp dinh dưỡng cho thời kỳ sau và cải tạo đất, loại phân bón này phù hợp cho những cánh đồng vàn, đồng không chua.
- *Phân Urê*: đây là loại phân chứa khoảng 44-48% N nguyên chất, thích hợp cho bón trên đất chua phèn.
- *Phân SA*: Còn gọi là phân sunphat đạm, chứa khoảng 20 – 21% N nguyên chất, 29% lưu huỳnh. Loại phân này có dạng tinh thể mịn, màu trắng ngà hoặc xám xanh. Phân có mùi hôi khai (mùi amôniac), có vị mặn và hơi chua. Phân SA dễ tan trong nước, không vón cục, dễ bảo quản, dễ sử dụng.

**IV TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT****1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển*****Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký niêm yết***

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỂN

Tên viết tắt: **VADFCO**

Tên giao dịch: Van Dien Fused Magnesium Phosphate Fertilizer Joint Stock Company

Logo:



Trụ sở chính: Đường Phan Trọng Tuệ - Xã Tam Hiệp- Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04 3688 4489 Fax: 04 3688 4277

Website: [www.vandienfmp.vn](http://www.vandienfmp.vn)

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 0100103143 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 06/08/2012, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 06/05/2014

Vốn điều lệ hiện tại: 289.734.570.000 VNĐ

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh phân lân nung chảy, các loại phân bón khác, vật liệu xây dựng, bao bì;
- Xuất khẩu phân lân nung chảy và các loại phân bón khác;



- Nhập khẩu phân bón và các loại nguyên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất và kinh doanh;
- Chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị sản xuất các loại phân bón;
- Chuyển giao công nghệ dây chuyền sản xuất các loại phân bón.

### ***Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển***

Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển (tiền thân là Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển) được thành lập từ năm 1960. Trong hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển, Công ty đã có nhiều đóng góp to lớn cho nền kinh tế quốc dân, có những thành tích đặc biệt xuất sắc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, được Đảng và Nhà nước tặng nhiều phần thưởng cao quý như: Đơn vị anh hùng lao động thời kỳ đổi mới, đơn vị anh hùng lực lượng vũ tranh nhân dân, 5 huân chương lao động, 2 huân chương Độc lập và rất nhiều phần thưởng của Chính phủ cũng như các ngành các cấp.

Nhà máy Phân lân Văn Điển được Trung Quốc giúp đỡ khởi công xây dựng từ tháng 2 năm 1960. Đến tháng 9 năm 1960 có 150 cán bộ công nhân viên đầu tiên được tập trung để bồi dưỡng kỹ thuật nghiệp vụ, đào tạo công nhân sản xuất, chuẩn bị cho việc quản lý điều hành Nhà máy. Trong số này có 24 người thực tập từ Trung Quốc về, 3 kỹ sư mới tốt nghiệp còn lại hầu hết là bộ đội chuyển ngành.

Nhà máy được xây dựng trong thời gian hơn một năm gồm 2 lò cao, mỗi lò có công suất 10.000 tấn/năm và một dây chuyền sấy nghiền. Đến tháng 4/1961, công trình cơ bản đã hoàn thành và đã sản xuất 595 tấn sản phẩm đầu tiên. Tuy nhiên, rất nhiều vấn đề bất hợp lý về kỹ thuật, công nghệ và ô nhiễm môi trường đã nảy sinh, buộc nhà máy phải ngừng để khắc phục. Sau gần 3 năm nghiên cứu áp dụng các giải pháp kỹ thuật phù hợp, bổ sung các giải pháp xử lý khí, bụi, thay thế máy nghiền, máy đập, ngày 1/10/1963, Nhà máy chính thức được khánh thành đi vào sản xuất. Ba tháng cuối năm 1963, Nhà máy sản xuất được 6.600 tấn Phân lân nung chảy.

Cuối năm 1968, cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ chấm dứt, Đảng và Nhà nước chủ trương tranh thủ thời gian, khôi phục lại các xí nghiệp bị đánh phá đồng thời xây dựng thêm các nhà máy mới. Vì vậy, đầu năm 1969 Công ty được Nhà nước đầu tư xây thêm 02 lò cao để nâng công suất từ 20.000 tấn/năm lên 40.000 tấn/năm. Quá trình xây dựng từ năm 1969 đến năm 1973 thì hoàn thành.



Có thể nói giai đoạn 1976-1985 là giai đoạn vô cùng khó khăn. Thế giới đang diễn ra khủng hoảng dầu lửa, Liên xô và các nước Đông Âu đang khủng hoảng kinh tế, Mỹ và các nước phương Tây thi hành chính sách cấm vận đối với nước ta. Vì vậy, các nguồn viện trợ bên ngoài bị hạn hẹp, nguyên nhiên liệu không đủ cho sản xuất công và nông nghiệp. Đối với Công ty nguồn than coke bị thiếu hụt nghiêm trọng, sản xuất bị đình trệ thậm chí năm 1979 chỉ sản xuất được 7.600 tấn, năm 1980 đạt 11.100 tấn trong khi năm 1976 đã đạt 27.600 tấn. Vì vậy kế hoạch 5 năm 1976-1980 đã không hoàn thành.

Để phục vụ mục tiêu 21 triệu tấn lương thực theo nghị quyết Đại hội IV của Đảng, Công ty được Nhà nước đầu tư xây thêm 01 lò cao có công suất 50.000 tấn/năm để nâng tổng công suất lên 90.000 tấn/năm. Theo kế hoạch đợt mở rộng lần thứ 2 đến 1979 phải hoàn thành. Tuy nhiên do Nhà nước thiếu vốn đầu tư nên đến năm 1978 phải tạm dừng thi công và mãi đến năm 1983 mới khôi phục lại, đồng thời trong thời gian này, cán bộ kỹ thuật của Công ty đã nghiên cứu thành công dùng than antraxit nội địa thay thế cho than coke nhập ngoại. Năm 1984 công trình mở rộng lần thứ 2 chính thức đi vào sản xuất. Việc sử dụng than antraxit nội địa thay thế than coke nhập ngoại đã mang lại hiệu quả lớn: Nhà nước bớt đi hàng triệu đô la mỗi năm để nhập than coke và quan trọng hơn là Công ty đã chủ động được nguồn nhiên liệu để sản xuất.

Từ năm 1990 Nhà nước chính chấm dứt cơ chế kế hoạch cũ, chuyển sang kế hoạch hóa định hướng, các doanh nghiệp chuyển sang hoạt động theo cơ chế thị trường. Bên cạnh việc đẩy mạnh sản xuất, Công ty đã tập trung cho công tác thị trường. Công ty hợp tác với các trường đại học Nông Lâm nghiệp, các Viện nghiên cứu khoa học nông nghiệp trong cả nước để nghiên cứu hiệu quả phân bón đối với cây trồng để hoàn thiện các sản phẩm cũ và nghiên cứu các sản phẩm mới; làm các mô hình trình diễn để tuyên truyền quảng bá về sản phẩm của Công ty, xây dựng các kênh phân phối sản phẩm. Kết quả là từ năm 1990 đến nay, Công ty liên tục phát triển với tốc độ cao, sản phẩm của Công ty từ 02 loại đã có hàng chục loại và được tiêu thụ rộng rãi trên toàn quốc và xuất khẩu ra nước ngoài, đời sống CBCNV ngày càng được cải thiện. Nếu như năm 1990, Công ty chỉ sản xuất được 38.400 tấn sản phẩm thì đến năm 2010 đã sản xuất được 311.260 tấn sản phẩm các loại, thu nhập của CBCNV đạt 6 triệu đồng/tháng. Công ty luôn là lá cờ đầu trong ngành công nghiệp Hóa chất Việt Nam.

Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển được thành lập và hoạt động từ ngày 29/12/2009 trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển. Vốn điều lệ của



Công ty là 271 tỷ đồng, trong đó Nhà nước chiếm 67%. Ngành nghề chính của Công ty là sản xuất kinh doanh Phân lân nung chảy, các loại phân bón khác, vật liệu xây dựng, bao bì; xuất khẩu phân lân nung chảy và các loại phân bón khác; nhập khẩu phân bón và các loại nguyên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất và kinh doanh; chế tạo, lắp đặt máy móc, thiết bị sản xuất các loại phân bón; chuyển giao công nghệ dây chuyền sản xuất các loại phân bón. Mục tiêu của Công ty là: Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh, nhằm đạt lợi nhuận cao nhất cho Công ty và các cổ đông, nâng cao giá trị Công ty và không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc và thu nhập của người lao động, đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.

**Các danh hiệu đã đạt được:**

- Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân năm 1999;
- Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới năm 2000;
- 5 Huân chương Lao động, 2 Huân chương Độc lập;
- Giải thưởng môi trường năm 2002;
- 2 huy chương vàng hội chợ nông nghiệp quốc tế;
- Giải thưởng sao vàng đất Việt;
- Giải thưởng Quả cầu vàng năm 2005;
- Giải thưởng Bông lúa vàng Việt nam – Thương hiệu vàng chất lượng tại hội chợ Nông nghiệp Bông lúa vàng – Sóc trăng Expo 2007;
- Giải thưởng của tổ chức Trí tuệ thế giới (WIPO) năm 2002;
- Giải thưởng nhà nước năm 2000 về công trình “Cải tiến lò cao sản xuất phân lân nung chảy bằng than nội địa”;
- Giải thưởng Khoa học Công nghệ Vifotec năm 1998;
- Chứng chỉ ISO 9001: 2008;
- Nhãn hiệu hàng Việt nam chất lượng cao;
- Nhãn hiệu nổi tiếng năm 2008, năm 2011; Topten thương hiệu Việt năm 2011, Topten sản phẩm dịch vụ Vàng Việt Nam năm 2012, Topten thương hiệu, sản phẩm chất lượng, dịch vụ hoàn hảo năm 2013, Thương hiệu nổi tiếng ASEAN năm 2013;
- Công ty đang sở hữu 6 bằng độc quyền sáng chế và giải pháp hữu ích:
- Bằng Độc quyền Sáng chế số 1991 cấp ngày 12/4/2001: sáng chế Lò cao sản xuất phân lân nung chảy;



- Bằng Độc quyền Giải pháp hữu ích số 265 cấp ngày 9/8/2001: giải pháp thiết bị và phương pháp sàng rửa phân loại nguyên liệu;
- Bằng Độc quyền Giải pháp hữu ích số HI – 0030 cấp ngày 11/01/1991: giải pháp Lò cao sản xuất phân lân nung chảy;
- Bằng Độc quyền Giải pháp hữu ích số HI – 0031 cấp ngày 11/01/1991: giải pháp Phối liệu đóng bánh quặng photphát;
- Bằng Độc quyền Giải pháp hữu ích số HI – 0089 cấp ngày 25/11/1992: giải pháp Lò cao sản xuất phân lân nung chảy
- Bằng Độc quyền Giải pháp hữu ích số HI – 0167 cấp ngày 30/8/1996: giải pháp Lò cao sản xuất phân lân nung chảy



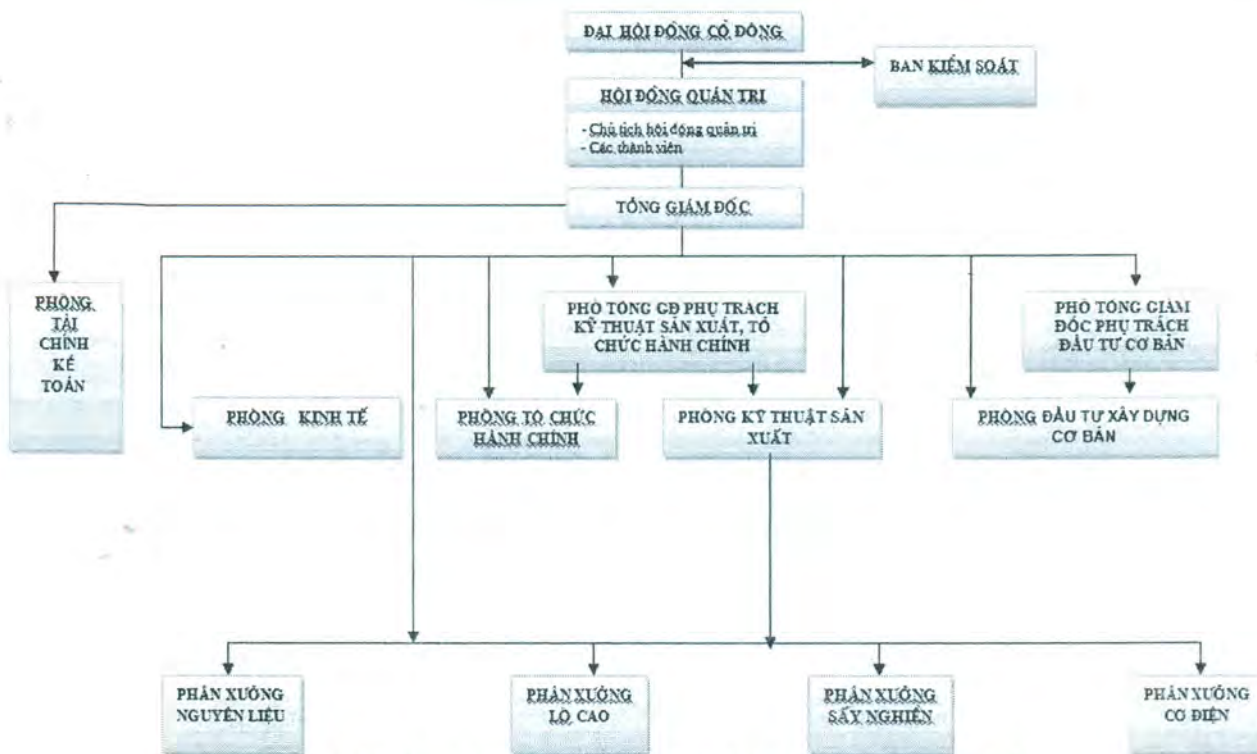


***Quá trình tăng vốn***

Từ khi cổ phần hóa đến nay, Công ty đã thực hiện 1 lần tăng vốn:

- *Tổng số vốn điều lệ của Công ty khi thành lập ngày 29/12/2009 dưới hình thức công ty cổ phần: 270.779.970.000 VNĐ (Hai trăm bảy mươi tỷ, bảy trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 27.077.997 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.*
- *Tăng vốn điều lệ vào tháng 8 năm 2012: Công ty thực hiện quá trình tăng vốn thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu, theo phương án sau:*
  - o Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
  - o Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
  - o Tỷ lệ phát hành: 100:7 (100 cổ phiếu được trả 7 cổ phiếu)
  - o Số lượng cổ phiếu phát hành: 1.895.460 cổ phiếu (Một triệu, tám trăm chín mươi năm nghìn, bốn trăm sáu mươi) cổ phiếu.
  - o Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 18.954.600.000 đồng (Mười tám tỷ, chín trăm năm mươi bốn triệu, sáu trăm nghìn đồng).
  - o Vốn Điều lệ sau khi phát hành: 289.734.570.000 đồng (Hai trăm tám mươi chín tỷ, bảy trăm ba mươi bốn triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

**2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty**



**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN LÝ - CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHẤY VĂN ĐIỂN**

*Nguồn: CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển*

**Diễn giải cơ cấu tổ chức Công ty:**

**❖ Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty. ĐHĐCĐ có quyền bầu, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. ĐHĐCĐ có quyền xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty, quyết định tổ chức lại hoặc giải thể Công ty và thông qua định hướng phát triển của Công ty.

**❖ Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm, đại diện cho các cổ đông, có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty gồm 5 thành viên.

**❖ Ban kiểm soát**



Ban Kiểm soát Công ty có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, kiểm tra báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, hiện tại gồm 3 thành viên.

❖ **Ban Tổng giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc Công ty bao gồm 1 Tổng giám đốc và 2 Phó Tổng giám đốc. Tổng giám đốc được Hội đồng quản trị ủy quyền, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

❖ **Phòng Tổ chức hành chính**

Chịu trách nhiệm về công tác nhân sự, lao động tiền lương; công tác quy hoạch cán bộ; công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề; công tác hành chính, quản trị; công tác thi đua khen thưởng; công tác đoàn thể, giáo dục chính trị tư tưởng, thông tin tuyên truyền, quan hệ với khu dân cư, với địa phương, công tác phòng cháy chữa cháy; công tác tự vệ, bảo vệ, an ninh chính trị; phòng chống thiên tai; Tổ chức hoạt động văn phòng, tạp vụ, văn thư lưu trữ; Chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

❖ **Phòng Kinh tế**

Chịu trách nhiệm lập, thực hiện kế hoạch sản xuất - kinh doanh và thị trường của Công ty; Cấp phát vật tư, bán thành phẩm, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng vật tư cho sản xuất và phục vụ sản xuất. Tổ chức thực hiện các công việc về phát triển mở rộng thị trường: marketing, quảng bá sản phẩm, đầu tư thương hiệu, cơ chế bán hàng v.v. trong nước và nước ngoài.

❖ **Phòng Kỹ thuật sản xuất**

Chịu trách nhiệm trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ; xây dựng kế hoạch đổi mới thiết bị công nghệ, phát triển sản phẩm mới; công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật công nghệ, xử lý đảm bảo môi trường. Xây dựng và triển khai thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật; Quản lý toàn bộ thiết bị, phương tiện, các dụng cụ, phương tiện đo, kiểm tra chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ sản xuất kinh doanh; Xây dựng quy trình quy phạm, phương pháp vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, bảo quản dây chuyền, máy móc thiết bị đảm bảo an toàn vệ sinh và môi trường theo các quy trình, quy phạm Tổ chức công tác BHLĐ đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, bảo đảm môi trường của Công ty.

❖ **Phòng Tài chính kế toán**



Chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính, kế toán, thống kê, thông tin kinh tế của Công ty theo các Quy chế phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Kiểm tra, giám sát các khoản thu chi tài chính, các nghĩa vụ thu nộp, thanh toán nợ; Kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; Phát hiện, ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính kế toán.

❖ **Phòng Đầu tư xây dựng cơ bản**

Chịu trách nhiệm trong việc xây dựng kế hoạch và quản lý các hoạt động đầu tư, xây dựng cơ bản (ĐTXDCB) của Công ty phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Thẩm định hồ sơ, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dự án; thẩm tra quyết toán các dự án theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

❖ **Phân xưởng Nguyên liệu**

Tiếp nhận nguyên nhiên liệu, quy hoạch kho bãi và quản lý tất cả các loại nguyên nhiên liệu thuộc kho ngoài trời: Quặng apatit, secpentin, sa thạch, than, v.v.

Gia công tất cả các loại nguyên nhiên liệu theo yêu cầu kỹ thuật đưa vào sản xuất: Sàng chọn than, gia công quặng đá, nguyên liệu cục, ép bánh nguyên nhiên liệu mịn. Tổ chức bốc xúc, nâng hàng cơ giới, vận chuyển các nguyên nhiên liệu và sản phẩm đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

❖ **Phân xưởng Lò cao**

Vận hành lò cao nung luyện để chuyển hóa từ nguyên liệu sản xuất ra bán thành phẩm phân lân nung chảy; xử lý triệt để khí thải, nước thải đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn môi trường của Nhà nước và địa phương.

❖ **Phân xưởng Sấy nghiền**

Quản lý và vận hành toàn bộ dây chuyền sấy nghiền bán thành phẩm của lò cao sản xuất ra thành phẩm phân lân nung chảy, dây chuyền sản xuất các loại phân bón NPK; đóng bao, xếp kho, bảo quản; quản lý toàn bộ các kho sản phẩm và tổ chức bốc xếp sản phẩm tiêu thụ.

❖ **Phân xưởng Cơ điện**

Quản lý, vận hành, khai thác hệ thống bơm nước và hệ thống điện cung cấp đủ điện, nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Chế tạo phụ tùng thiết bị phục vụ yêu cầu sửa chữa máy móc thiết bị, nhà xưởng của các đơn vị; sửa chữa lắp đặt thiết bị máy móc (cơ, điện) nhà xưởng, các công trình xây dựng trong toàn Công ty.



3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỷ lệ nắm giữ) (tính đến thời điểm 05/03/2015)

*Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần*

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1A Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	19.428.375	67,06
2	Công ty TNHH Hoàng Ngân	Ninh An, Hoa Lư, Ninh Bình	2.883.838	9,95

*Nguồn: CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển*

Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ: không có

Cơ cấu cổ đông (tính đến thời điểm 05/03/2015)

*Bảng 2: Cơ cấu cổ đông*

Loại	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ (%)
<b>Trong nước</b>	<b>412</b>	<b>28.973.457</b>	<b>100</b>
- Cá nhân	395	1.860.136	6,42
- Tổ chức	17	27.113.321	93,58
<i>Trong đó cổ đông lớn</i>	<i>02</i>	<i>22.312.213</i>	<i>77,01</i>
<b>Nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
- Cá nhân	0	0	0
- Tổ chức	0	0	0
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG</b>	<b>412</b>	<b>28.973.457</b>	<b>100</b>

*Nguồn: CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển*

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

*Công ty mẹ hoặc nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty:*

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam là công ty mẹ nắm cổ phần chi phối 67,06% đối với Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển:

- Địa chỉ: 1A Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Số cổ phần sở hữu: 67,06% vốn điều lệ
- Vốn điều lệ: 16.000.000.000.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh chính:
  - ✓ Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước; sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; hóa chất cơ bản, hóa chất tiêu dùng; công nghiệp hóa chất, hóa dược, hóa dầu; công nghiệp chế biến cao su; công nghiệp khai thác mỏ.
  - ✓ Kinh doanh máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ ngành công nghiệp hóa chất; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

*Công ty con hoặc những công ty mà Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển nắm giữ quyền kiểm soát và chi phối:* Không có

*Công ty liên doanh liên kết của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển:* Không có

## 5. Hoạt động kinh doanh

### 5.1 Danh mục các sản phẩm chính và Quy trình sản xuất

#### 5.1.1 Phân lân nung chảy Văn Điển



Là loại phân đa chất, ngoài chất dinh dưỡng chính là lân ( $P_2O_5$ ) còn có các chất dinh dưỡng khác rất cần thiết cho cây trồng và cải tạo đất như Vôi (Canxi), Magie, Silic, Bo, Mangan, Sắt, Kẽm, Môlipden, Coban, v.v. Tổng thành phần dinh dưỡng đa, trung, vi lượng lên đến trên 98% và đều rất quan trọng đối với cây trồng.

Tác dụng của các chất dinh dưỡng có trong phân lân nung chảy Văn Điển:



- $P_2O_5$ : Là các chất chủ yếu tạo nên tế bào cây cối, thúc đẩy sự nảy mầm, phát triển bộ rễ, tăng số lượng, chất lượng của củ, quả, hạt, v.v.
- Chất vôi (CaO): Có tác dụng khử chua, ém phèn làm tăng độ phì của đất, giúp cây trồng tổng hợp protein và chuyển hoá các chất dinh dưỡng.
- Magiê (MgO): Có tác dụng khử chua và cải tạo đất như vôi, hơn nữa nó là chất thiết yếu tạo nên diệp lục tố của cây, giúp cây trồng tổng hợp protein chất đường và chất béo.
- Silic ( $SiO_2$ ): Giúp cây trồng tăng khả năng oxy hoá làm cứng cây, làm tăng khả năng chống chịu sâu bệnh, chịu hạn, rét và chống đổ.
- Các chất vi lượng: Sắt, Kẽm, Đồng, Mangan, Môlipden, Bo v.v tuy số lượng ít nhưng rất cần thiết cho quá trình sinh trưởng và phát triển của cây, thiếu chúng sẽ hạn chế rất nhiều đến năng suất và chất lượng của nông sản.
- Phân lân nung chảy có tính kiềm ( $PH = 8 - 8,5$ ), không độc hại, không tan trong nước mà tan trong dung dịch chua của rễ cây, nên khi bón xuống ruộng không bị rửa trôi, cung cấp chất dinh dưỡng cho cây trồng từ đầu vụ đến cuối vụ. Nếu cây sử dụng không hết thì phân lân nung chảy Văn Điển vẫn giữ lại trong đất sử dụng cho vụ sau (hiệu quả sử dụng lên đến trên 95%). Phân lân nung chảy Văn Điển sử dụng tốt cho hầu hết các loại cây trồng của Việt Nam như lúa, ngô, khoai, sắn, đậu lạc, các loại rau, các loại cây công nghiệp như cao su, cây bông, cà phê, hồ tiêu, mía, dứa, chè, dâu tằm, v.v và các loại cây ăn quả, cây cảnh v.v. Phân lân nung chảy Văn Điển thích hợp cho nhiều vùng đất, đặc biệt với các vùng đất chua, lầy thụt, chiêm trũng, đất đồi dốc, v.v mang lại hiệu quả cao hơn hẳn các loại phân khác. Bón phân lân nung chảy Văn Điển có tác dụng cải tạo đất làm cho đất tơi xốp, hạn chế rong rêu, không làm đất chai cứng như các loại phân bón hoá học khác. Cây trồng được bón phân lân nung chảy Văn Điển không những mang lại năng suất cao, chất lượng nông sản tốt mà còn làm tăng khả năng chống chịu sâu bệnh, chịu hạn, chịu rét và chống đổ.

Chất lượng các loại phân lân nung chảy Văn Điển hiện đang sản xuất (tính theo hàm lượng chất dinh dưỡng chính là  $P_2O_5$ ) như sau:

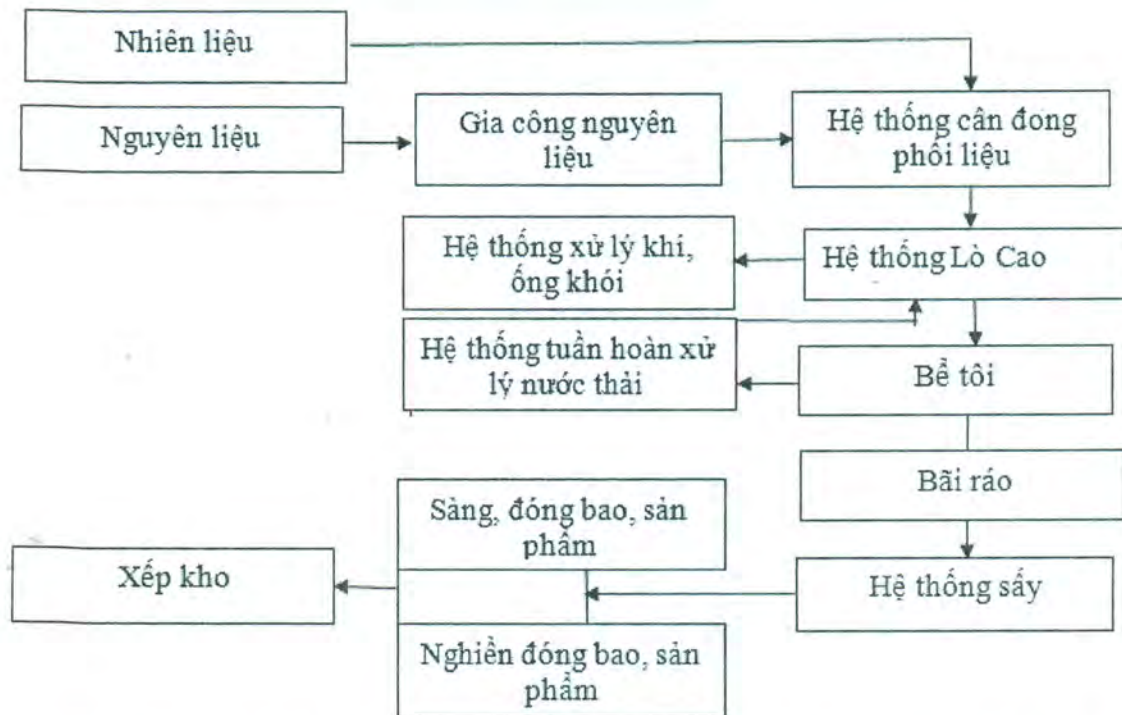
- Loại 15-17%: chủ yếu tiêu thụ trong nước, một phần xuất khẩu ra nước ngoài
- Loại trên 17%: xuất khẩu ra nước ngoài

**Quy trình sản xuất Phân lân nung chảy**

Công suất thiết kế: 300.000 tấn/năm.



Sơ đồ sản xuất:



- Nguyên nhiên liệu gồm: Quặng apatít (A), sà vân (S), sa thạch (St) có kích cỡ  $\leq 350$  mm, được gia công theo yêu cầu kỹ thuật; phối liệu cùng với than qua hệ thống cân đong đưa vào lò cao. Trong lò nguyên liệu được nung luyện nhờ nhiệt của phản ứng cháy giữa than trong phối liệu và oxy của không khí, ở nhiệt độ 1.350-1.500 độ C nguyên liệu chảy lỏng, quá nhiệt chuyển hoá biến chất lân từ dạng có cấu tạo mạng tinh thể định hình thành dạng thủy tinh vô định hình và liệu lỏng theo cửa lò ra ngoài.

- Liệu lỏng khi ra khỏi lò được làm lạnh đột ngột bằng nước áp lực cao (áp suất  $P = 3\text{Kg/cm}^2$  lượng nước gấp 15-20 lần lượng sản phẩm) để giữ nguyên cấu tạo mạng tinh thể ở dạng thủy tinh vô định hình “dễ tan” (không tan trong nước, nhưng tan trong Axít xitric 2% - tương ứng với nhựa của rễ cây tiết ra ) rồi chảy xuống bể tôi, được cầu trục mức lên chuyển về bãi ráo, để ráo nước thu được bán thành phẩm (BTP) phân lân. BTP phân lân ở bãi ráo được đưa vào máy sấy kiểu thùng quay, sấy khô đến độ ẩm  $\leq 1\%$ . Từ đây tùy theo yêu cầu mà có 2 loại sản phẩm:

+ BTP được chuyển qua sàng; thu được sản phẩm dạng hạt, chuyển đến phễu chứa qua đóng bao cân định lượng sản phẩm và vận chuyển xếp kho (Lân hạt).

+ BTP được chuyển qua máy nghiền bi, nghiền đến độ mịn quy định rồi theo băng tải đưa đến hệ thống đóng bao, cân định lượng sau đó chuyển vào kho chứa sản phẩm (Lân nghiền).



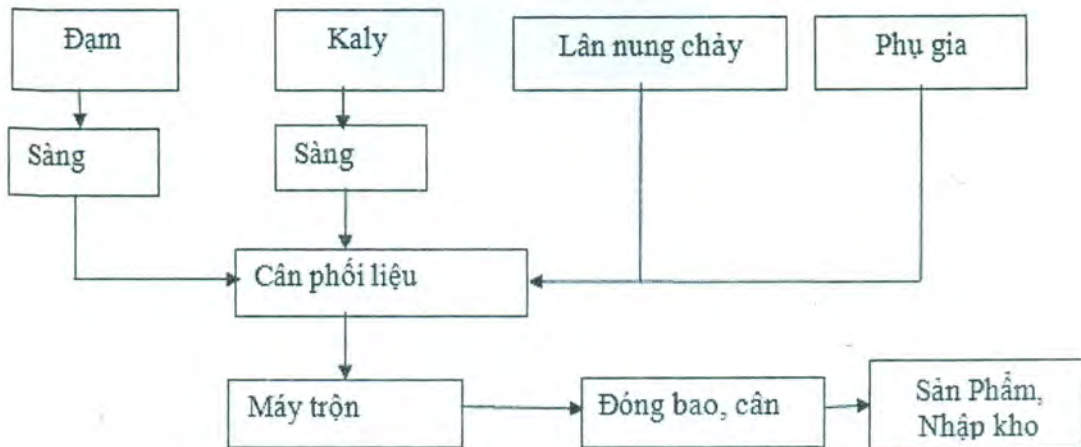
**5.1.2 Phân NPK**

Là sản phẩm phối trộn phân lân nung chảy Văn Điển với phân đạm và phân Kali. Công ty đang cung cấp trên 60 loại phân đa yếu tố NPK chuyên dùng cho từng loại cây, trên từng loại đất và ở từng thời kỳ phát triển của cây. Phân đa yếu tố NPK Văn Điển cung cấp đầy đủ, cùng lúc trên 20 dưỡng chất đa lượng, trung lượng, vi lượng cho cây trồng mà không cần phải bón thêm bất kỳ loại phân nào nữa. Các loại phân đa yếu tố NPK Văn Điển đang được sử dụng để chăm bón cho các loại cây lương thực, cây ăn quả, cây công nghiệp, v.v giúp cây trồng tăng cường khả năng chống chịu sâu bệnh, đạt năng suất cao, sản phẩm có chất lượng cao, hương vị đặc trưng, phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Có hai dòng sản phẩm là NPK trộn và NPK viên.

**Quy trình sản xuất NPK trộn (Đạm, lân và kali được trộn cơ học với nhau)**

Công suất thiết kế: 150.000 tấn/năm.

Sơ đồ sản xuất:

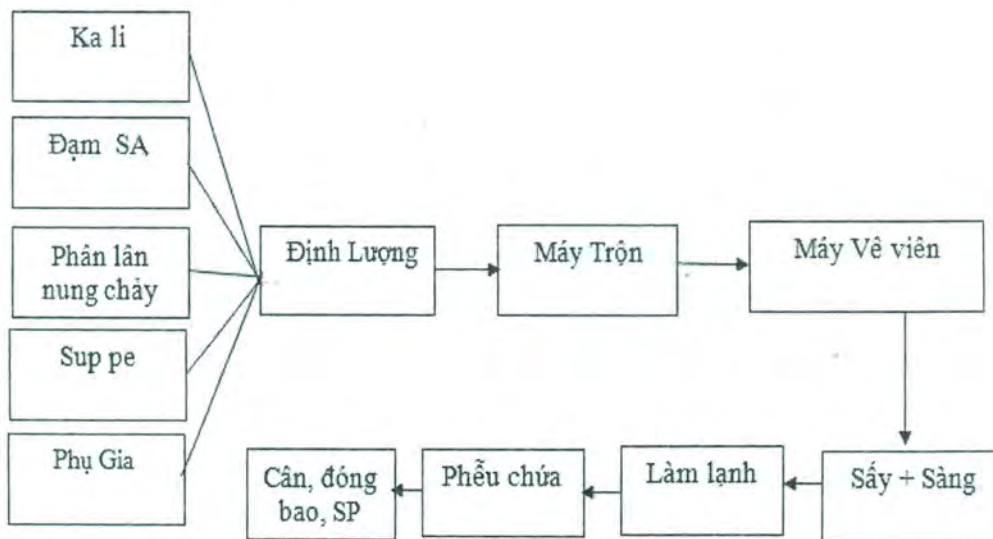


Đạm, Lân nung chảy, Kali và một số nguyên liệu khác được kiểm tra chất lượng đạt yêu cầu, được đưa vào sàng để loại bỏ cục trên cỡ sau đó được cân phối liệu tùy theo loại sản phẩm NPK cần sản xuất. Hỗn hợp các nguyên liệu nêu trên được cho vào trộn đều trong máy trộn (Phương pháp trộn cơ học) sản phẩm được hệ thống băng tải đưa vào phễu chứa, qua đóng bao và cân định lượng sản phẩm.

**Quy trình sản xuất NPK vê viên (Đạm, lân và kali trộn nhào lẫn sau đó được vê viên)**

Công suất thiết kế: 50.000 tấn/năm.

Sơ đồ sản xuất:





Đạm SA, Lân nung chảy, Lân supe, Kali và chất phụ gia được kiểm tra chất lượng đạt yêu cầu, được cân đong theo tỷ lệ phối liệu, sau đó đưa vào máy trộn đều; theo băng tải vào máy vè viên, tạo hạt, đưa qua lò sấy khô, sàng lấy những hạt theo yêu cầu, làm lạnh rồi đưa vào phễu chứa, qua đóng bao và cân định lượng sản phẩm.

### 5.2 Sản phẩm phụ: Supe Téc mô

Là loại phân phối trộn giữa Supe lân và Phân lân nung chảy Văn Điển, chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng sản lượng. Loại phân này phát huy được ưu điểm của hai loại phân: Supe lân tan ngay để cây hấp thụ thời kỳ đầu, lân nung chảy tan chậm để cung cấp chất dinh dưỡng cho thời kỳ sau và cải tạo đất. Loại phân bón này phù hợp cho những cánh đồng cao hoặc không chua.

### 5.3 Sản lượng sản phẩm trong năm 2013 -2014; tỷ lệ trong doanh thu và lợi nhuận

Bảng 3: Tổng sản lượng sản phẩm tiêu thụ (đơn vị: tấn)

STT	Sản phẩm	Năm 2013	Năm 2014
1	Phân lân nung chảy	234.384	250.799
2	Phân Supe Téc mô	35	55
3	Phân NPK	55.843	50.152
	<b>Tổng cộng</b>	<b>290.262</b>	<b>301.006</b>

Nguồn: CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển

Ngoài 2 sản phẩm chính, phân Supe Téc mô là sản phẩm được phối trộn giữa Supe lân và phân lân nung chảy, chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng sản lượng. Tổng sản lượng tiêu thụ của Công ty chủ yếu từ thị trường trong nước, thị trường xuất khẩu chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ (3,5% đến 4,7% trên tổng sản lượng lần lượt trong các năm 2014 và 2013).

Bảng 4: Cơ cấu sản phẩm & dịch vụ theo tổng doanh thu (đơn vị: triệu đồng)

STT	Sản phẩm	Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị	%	Giá trị	%
1	Phân lân nung chảy	665.037	69,30	683.849	73,60
2	Phân Supe Téc mô	99	0,01	159	0,02
3	Phân NPK	294.124	30,65	243.724	26,23
4	Dịch vụ*	392	0,04	1.389	0,15
	<b>Tổng</b>	<b>959.652</b>	<b>100</b>	<b>929.121</b>	<b>100</b>

Nguồn: CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển

\*Dịch vụ: cân thuê, vỏ bao, v.v



*Bảng 5: Cơ cấu sản phẩm & dịch vụ theo tổng lợi nhuận gộp (đơn vị: triệu đồng)*

STT	Sản phẩm	Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị	%	Giá trị	%
1	Phân lân nung chảy	192.408	84,5	185.358	86,1
2	Phân Supe Téc mô	16	0,0	11	0,0
3	Phân NPK	35.059	15,4	29.607	13,8
4	Dịch vụ*	290	0,1	251	0,1
	<b>Tổng</b>	<b>227.774</b>	<b>100</b>	<b>215.227</b>	<b>100</b>

*Nguồn: CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển*

*\*Dịch vụ: cân thuê, vỏ bao, v.v*

Tổng sản lượng sản phẩm tiêu thụ của Công ty hai năm vừa qua (2013-2014) tăng từ mức 290 đến 301 ngàn tấn; trong đó chiếm tỷ trọng chủ yếu là sản phẩm phân lân ở mức khoảng 69%-74% trên tổng doanh thu các sản phẩm của Công ty. Doanh thu lớn thứ hai từ sản phẩm phân NPK, chiếm khoảng 26-31% trên tổng doanh thu các sản phẩm chính (2013-2014). Tỷ trọng phân NPK trên tổng doanh thu các sản phẩm có xu hướng giảm dần từ năm 2013 đến nay, phần lớn do sản lượng tiêu thụ sản phẩm này giảm sút do cạnh tranh với các sản phẩm NPK trên thị trường; tuy nhiên sản phẩm phân lân nung chảy của Công ty vẫn giữ được mức tăng trưởng tốt về sản lượng tiêu thụ so với năm 2013. Sản phẩm Téc mô chiếm tỷ trọng rất nhỏ do đây không phải là sản phẩm chính của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn có doanh thu dịch vụ (hoạt động cân thuê, bán vỏ bao, v.v) chiếm tỷ lệ rất nhỏ, khoảng trên dưới 0,1% tổng doanh thu thuần.

#### 5.4 Nguyên vật liệu

##### *Nguyên vật liệu và sự ổn định của các nguồn cung cấp*

*Bảng 6: Nhà cung cấp nguyên vật liệu chính*

STT	Nguyên vật liệu	Nhà cung cấp
1	Quặng Apatit	Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam
2	Quặng Séc-pentin	CTCP Séc-pentin và phân bón Thanh Hóa, Công ty TNHH Hoàng Ngân
3	Kali	CTCP XNK Hà Anh, CTCP Vinacam Hà Nội
4	Đá Sa thạch	Công ty kinh doanh than Bắc Lạng, HTX Liên Sơn Bắc Ninh
6	Than	Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam

*Nguồn: CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển*



Nguyên vật liệu chính phục vụ quá trình sản xuất phân lân nung chảy chủ yếu gồm quặng Apatit, quặng Sécpen-tin, đá Sa thạch và than; trong đó nguồn cung cấp chính trong nước về quặng Apatit là từ Công ty Apatit Việt Nam. Quặng Apatit chứa chất lân ( $P_2O_5$ ) từ 23%-33%; Quặng Sécpen-tin chứa các chất Magiê ( $MgO$ )  $\geq 30\%$ , Silíc ( $SiO_2$ )  $\geq 40\%$ ; Đá Sa thạch chứa chất Silíc ( $SiO_2$ )  $\geq 90\%$ .

Nguồn cung nguyên liệu của Công ty chủ yếu giới hạn bởi những nhà cung cấp trên đây khiến Công ty bị phụ thuộc lớn vào độ ổn định về giá cả, chất lượng của những nhà cung cấp này; tuy nhiên những đối tác của Công ty luôn đảm bảo cung cấp nguyên liệu với độ ổn định về mặt số lượng và chất lượng trong những năm qua.

Nguyên liệu Kali được Công ty nhập từ hai Công ty xuất nhập khẩu trong nước là Công ty cổ phần Vinacam Hà Nội và Công ty cổ phần XNK Hà Anh do hiện tại trong nước không có khả năng sản xuất loại nguyên liệu này.

Bên cạnh đó, Công ty cũng có kế hoạch đa dạng hóa nguồn cung nguyên vật liệu sản xuất của Công ty để tránh phụ thuộc vào một số nhà cung cấp hiện tại như:

- Đối với các nguyên liệu là quặng Apatit, quặng Sécpen-tin, đá Sa thạch: Hiện tại, trong nước chỉ có một vài nhà cung cấp các loại nguyên liệu này, do vậy hiện tại Công ty chưa thể mở rộng được nguồn cung cấp. Trong tương lai, khi trong nước có thêm nhà cung cấp mới, Công ty sẽ chủ động mở rộng nguồn cung cấp các loại nguyên liệu này;
- Đối với các nguyên, nhiên liệu là Kali, Than: Hằng năm, Công ty đều lập kế hoạch lựa chọn các nhà cung cấp để mua các loại nguyên liệu là Kali, Than trên cơ sở đảm bảo chất lượng và giá cả cạnh tranh. Ngoài các nhà cung cấp lâu năm và có chất lượng ổn định như đã nêu trên, trong năm 2015, Công ty đang xem xét lựa chọn thêm nhà cung cấp nguyên liệu Kali mới là Công ty TNHH XNK Thành Đô, nhà cung cấp nguyên liệu Than mới là Công ty cổ phần Than Sông Hồng thuộc Tổng công ty Than Đông Bắc.

#### ***Ảnh hưởng của giá cả nguyên liệu tới doanh thu, lợi nhuận những năm qua***

Do đặc thù ngành phân bón là nhằm phục vụ việc sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng giá cả nguyên liệu nhìn chung không có biến động quá lớn do đây là ngành được nhà nước hỗ trợ lớn về giá nguyên liệu. Quặng Apatit được nhà nước bảo hộ hạn chế xuất khẩu khiến giá không biến động lớn do thiếu nguồn cung. Trong 2 năm 2013-2014, giá quặng Apatit giữ ở mức ổn định, chỉ tăng nhẹ 2% so với cả năm 2013. Đá sa thạch có mức giá ổn định qua các



năm qua ở mức 157.500 đồng/tấn. Giá nguyên liệu than chỉ tăng nhẹ 2% trong năm 2013 và giảm xấp xỉ 7% trong năm 2014. Riêng quặng Sécpen-tin tăng mạnh gần 10% so với năm 2013, trong khi giá Kali đều giảm giá trong hai năm trở lại đây.

Trong hai năm 2013-2014 tác động của chi phí các nguyên liệu lên doanh thu và lợi nhuận của Công ty là không lớn, đồng thời sự tăng/giảm giá nguyên liệu mang tính hệ thống và xảy ra với toàn ngành nên đã không ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ của Công ty. Biên lợi nhuận gộp của Công ty trong năm 2014 chỉ giảm nhẹ so với năm 2013, chủ yếu do giá bán phân bón ra thị trường ở cả hai mặt hàng phân lân và NPK đều giảm (mức giảm trung bình lần lượt là xấp xỉ 4% và 8%) trong khi chi phí đầu vào giữ ở mức tương đối ổn định. Bên cạnh đó, với mục tiêu nhằm giảm thiểu tối đa những tác động tăng giá của nguồn nguyên vật liệu và không gây ảnh hưởng đến biên lợi nhuận, trong những năm vừa qua Công ty đã cố gắng bám sát tình hình thị trường và chuẩn bị trước lượng nguyên liệu cần thiết cho kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

*Bảng 7: Tình hình biến động giá nguyên liệu trung bình (bao gồm cả thuế) (đơn vị: VND/tấn)*

STT	Tên nguyên vật liệu chính	Năm 2013	Năm 2014	Tăng/giảm so với năm 2013
1	Quặng Apatit	671.898	685.545	2,0%
2	Quặng Sécpen-tin	241.500	265.313	9,9%
3	Đá Sa thạch	157.500	157.500	0%
4	Kali	10.866.810	7.906.600	-27,2%
5	Than	3.759.382	3.506.939	-6,7%

*Nguồn: CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển*

## 5.5 Chi phí sản xuất

*Bảng 8: Cơ cấu chi phí trên doanh thu (đơn vị: đồng)*

STT	Chi phí	Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT
1	Giá vốn	731.878.103.470	76,3	713.894.094.521	76,8
2	Chi phí tài chính	6.811.230.641	0,7	3.264.229.443	0,4
3	Chi phí bán hàng	112.261.108.642	11,7	122.076.127.485	13,1
4	Chi phí quản lý	21.698.788.999	2,3	19.222.934.508	2,1
	<b>Tổng</b>	<b>872.649.231.752</b>	<b>90,9</b>	<b>857.454.856.057</b>	<b>92,4</b>



STT	Chi phí	Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT

*Nguồn: CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển*

Chi phí giá vốn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí, đạt mức xấp xỉ 76,3% năm 2013 và tăng nhẹ lên 76,8% trong năm 2014. So với các doanh nghiệp cùng ngành, tỷ trọng chi phí này thấp hơn so với một số đơn vị trong ngành phân bón là Phân lân Ninh Bình ở mức khoảng 78,8% và Supe và hóa chất Lâm Thao ở mức xấp xỉ 76,9% (năm 2013). Tỷ trọng giá vốn trên doanh thu tăng trong năm 2014 là do phần lớn chi phí đầu vào ở mức ổn định trong khi giá bán phân bón ra thị trường giảm ở cả hai mặt hàng phân bón chính.

Chi phí bán hàng, chủ yếu là chi phí vận chuyển đến kho của khách hàng (chiếm khoảng 80% tổng chi phí bán hàng) và chi phí quảng cáo tiếp thị (20% tổng chi phí bán hàng), lớn thứ hai trong cơ cấu tổng chi phí ở mức khoảng 12% trong năm 2013. Chi phí này trong năm 2014 tăng lên xấp xỉ 13% chủ yếu do cước phí vận tải tăng, đồng thời các hoạt động đầu tư cho các hoạt động marketing như hội nghị hội thảo hướng dẫn bà con sử dụng phân bón, quảng cáo được Công ty đẩy mạnh so với năm trước.

Do không có nợ ngắn hạn và dài hạn nên chi phí tài chính rất thấp, chỉ chiếm khoảng dưới 1% trong cơ cấu tổng chi phí và chủ yếu là do chi phí lãi Công ty trả cho người mua dựa trên số tiền đặt cọc mua hàng của bên mua. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã đạt hiệu quả trong quá trình hoạt động khiến chi phí quản lý doanh nghiệp tiết giảm trong năm 2014.

## **5.6 Trình độ công nghệ**

- Về công nghệ sản xuất phân lân nung chảy so với trình độ của thế giới đạt mức tiên tiến: như nâng cao năng suất thiết bị, giảm định mức tiêu hao nhiên liệu, điện năng – các định mức kinh tế kỹ thuật đều thấp hơn thế giới, đã được Nhà nước công nhận qua các bằng sáng chế và giải pháp hữu ích.

- Về công nghệ sản xuất NPK: Công ty sử dụng công nghệ sản xuất NPK bằng phương pháp trộn cơ học các thành phần nguyên liệu sản xuất N-P-K với những ưu điểm: Khó làm giá, năng suất cao, chi phí điện và nhân công thấp, dây chuyền thiết bị đơn giản và chi phí đầu tư rất thấp.



- Xử lý chất thải rắn: Nhờ áp dụng các sáng chế, giải pháp hữu ích và cải tiến công nghệ, Công ty đã xử lý triệt để chất thải rắn, đảm bảo môi trường và tiết kiệm vật tư nguyên vật liệu cho sản xuất.

- Xử lý nước thải: Công ty đã áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ xử lý nước thải trong sản xuất nên đã tuân hoàn được 100% nước thải công nghiệp; xử lý nước thải đảm bảo, được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội kiểm tra, được Bộ tài nguyên và môi trường quyết định đưa ra khỏi danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng giai đoạn đến 2007 (ban hành kèm theo QĐ số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2013 của Thủ tướng chính phủ).

- Xử lý khí thải: Công ty áp dụng công nghệ xử lý khí thải bằng phương pháp dùng nước hấp thụ và dung dịch sữa vôi để trung hoà, đốt CO bằng lò đốt kiểu ghi; xử lý triệt để 100% khí thải trước khi thải ra môi trường đảm bảo theo yêu cầu.

*Bảng 9: Các thiết bị dây chuyền máy móc*

<b>CÁC THIẾT BỊ MÁY MÓC</b>				
<b>CÔNG ĐOẠN 1: GIA CÔNG NGUYÊN LIỆU</b>				
<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Năm sử dụng</b>	<b>Xuất xứ</b>
1	Hệ thống máy ép Ab	03	1993	Trung Quốc, Việt Nam
2	Hệ thống đập sàng	02	1984	Liên Xô, Việt Nam
<b>CÔNG ĐOẠN 2 : HỆ THỐNG Lò CAO</b>				
1	Cầu trục	02	1983	Việt Nam
2	Hệ thống lò cao	03	1983	Việt Nam
3	Hệ thống xử lý khí thải chính	03	1994	Việt Nam
4	Hệ thống hấp thụ khí đỉnh lò	03	1994	Việt Nam
5	Hệ thống bơm tuần hoàn, hấp thụ	03	2013	Việt Nam
6	Bơm sữa vôi	01	2012	Việt Nam
7	Hệ thống bơm tuần hoàn nước thải	15	2004	Việt Nam
8	Bơm trao đổi nhiệt	04	2004	Việt Nam
9	Giàn trao đổi nhiệt	03	2004	Việt Nam
10	Các bể lắng	07	2003	Việt Nam
<b>CÔNG ĐOẠN 3: HỆ THỐNG SẤY NGHIÊN</b>				
01	Cầu trục	02	2004	Việt Nam, Trung Quốc
02	Hệ thống băng tải	04	1973-2012	Việt nam
03	Máy sấy	05	1973-2012	Việt Nam, Trung Quốc



04	Máy nghiền	05	1994-2000	Việt nam, Trung Quốc
05	Hệ thống đóng bao tự động 25kg, 50kg	02	2011-2012	Việt Nam
06	Hệ thống xử lý khí lọc bụi tay áo	06	2012-2013	Việt Nam
07	Hệ thống đóng bao 1 tấn	02	2009-2011	Việt nam
<b>SẢN XUẤT NPK</b>				
01	Hệ thống sản xuất NPK trộn	03	2007	Việt Nam, Nga
02	Hệ thống sản xuất NPK vè viên	01	2012	Việt Nam

Nguồn: CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển

Hiện tại Công ty đang sở hữu dây chuyền sản xuất phân lân nung chảy với công suất 300.000 tấn/năm và 2 dây chuyền sản xuất NPK với công suất 150.000 tấn/năm và 50.000 tấn/năm. Ngoài những máy móc được mua hoặc chế tạo trong những năm 1970-1990, Công ty luôn không ngừng thay đổi và cải tiến chất lượng máy móc và quy trình sản xuất nhằm tối đa hóa hiệu quả sản xuất và giảm thiểu chi phí. Nhà máy sản xuất gồm các phân xưởng là nguyên liệu, lò cao, sấy nghiền, cơ điện; trong đó, phân xưởng cơ điện chịu trách nhiệm trong việc sửa chữa, chế tạo sản xuất các loại máy móc để cải tiến công nghệ kỹ thuật sản xuất.

#### 5.7 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Hiện nay công ty đang trong quá trình tập trung đẩy mạnh chất lượng cho những sản phẩm hiện tại, chưa tiến hành phát triển sản phẩm mới.

#### 5.8 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

##### *Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm*

Công ty cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 từ ngày 15/6/2006.

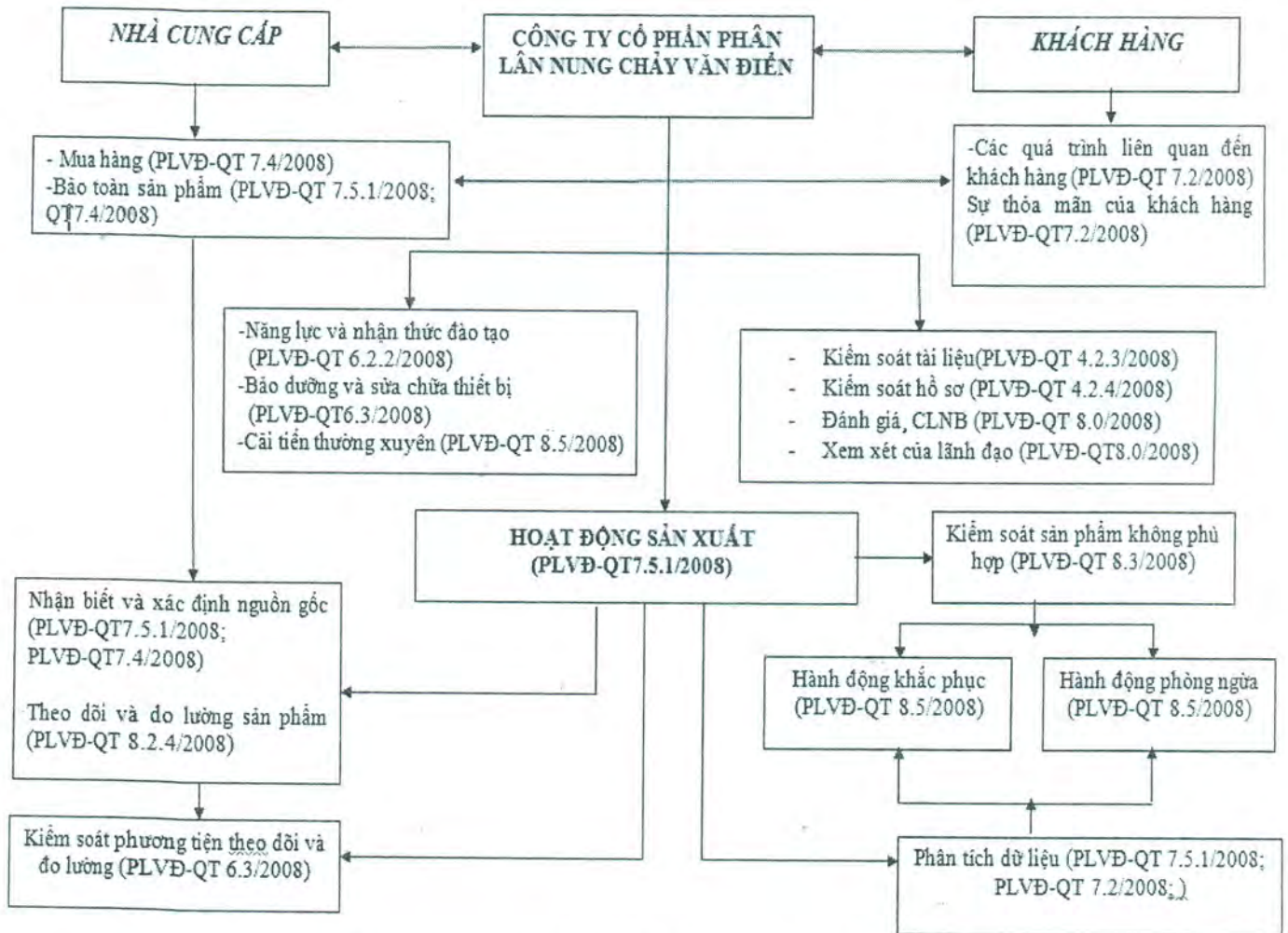
Từ ngày 01/01/2010 đến nay đã chuyển sang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008; nhờ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001, Công ty đã thu được một số kết quả trong sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

- Tổ chức sản xuất và quản lý sản xuất một cách khoa học và không ngừng đổi mới cải tiến hợp lý hóa sản xuất;
- Đảm bảo duy trì chất lượng nguyên nhiên liệu nhập về cũng như sản phẩm sản xuất ra đạt yêu cầu chất lượng theo quy định của nhà nước và tiêu chuẩn đăng ký, sản phẩm thân thiện với môi trường được khách hàng tín nhiệm; nâng cao uy tín và thương hiệu phân bón Văn Điển;



- Đảm bảo cung cấp hàng hóa và dịch vụ 24/24 giờ cho khách hàng; chịu trách nhiệm đến cùng đối với hàng hóa sản phẩm và dịch vụ của Công ty cung cấp;
- Nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên, nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động đối với nhiệm vụ và công việc được giao; tiết kiệm chi phí cho sản xuất và kinh doanh đồng thời tăng năng suất lao động.

**Bộ phận kiểm tra chất lượng**



Nguyên nhiên liệu đầu vào: Do phòng Kinh tế & Kỹ thuật kiểm tra

Toàn bộ nguyên nhiên liệu, vật tư thiết bị, đầu vào đều được lựa chọn bởi các nhà cung cấp tin cậy theo quy trình Mua hàng PLVĐ-QT 7.4/2008, được kiểm tra chất lượng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy trình PLVĐ-QT 8.2.4/2008 và PLVĐ-QT 7.5.1/2008.

Quá trình sản xuất: Do phòng Kỹ thuật kiểm tra



- Toàn bộ quá trình sản xuất của Công ty được kiểm soát bởi quy trình: PLVĐ-QT 7.5.1/2008 và các quy trình kiểm soát chất lượng: PLVĐ 8.2.4/2008; Quy trình kiểm soát sản phẩm không phù hợp: PLVĐ- QT 8.3/2008; Quy trình về hành động khắc phục, hành động phòng ngừa: PLVĐ-QT 8.5/2008;
- Quá trình sản xuất được xem xét phân tích các dữ liệu bởi quy trình: PLVĐ –QT 7.2/2008;
- Quá trình sản xuất thường xuyên được hỗ trợ bởi các quy trình: Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị PLVĐ-QT 6.3/2008 và quy trình đào tạo nguồn nhân lực: PLVĐ-QT 6.2/2008; đảm bảo con người và thiết bị luôn đáp ứng yêu cầu sản xuất;
- Quy trình đảm bảo hàng hóa sản phẩm và dịch vụ của Công ty luôn đáp ứng thỏa mãn theo yêu cầu của khách hàng.

Quá trình bán hàng: Do phòng Kinh tế kiểm tra

- Quá trình bán hàng và xem xét sự thỏa mãn của khách hàng đều kiểm soát theo quy trình Sự thỏa mãn của khách hàng PLVĐ-QT 7.2/2008.

Kiểm tra Toàn hệ thống:

- Đề vận hành ổn định cả hệ thống quản lý chất lượng còn có các quy trình khác như: Kiểm soát tài liệu PLVĐ-QT 4.2.3/2008; Kiểm soát hồ sơ: PLVĐ-QT 4.2.4/2008;
- Hệ thống được xem xét, đánh giá thường xuyên (Quy trình: PLVĐ-QT 8.0/2008; quy trình: PLVĐ-QT 8.5/2008) và không ngừng cải tiến hoàn thiện để ngày càng phát huy hiệu quả cao đối với sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **5.9 Hoạt động marketing và tiêu thụ sản phẩm**

Công ty thực hiện việc quảng bá sản phẩm tới bà con nông dân dưới nhiều hình thức như quảng cáo trên sóng truyền hình, truyền thanh, tại các hội nghị, hội thảo, hội chợ; đầu tư làm thực nghiệm đánh giá hiệu lực phân bón Văn Điển đối với cây trồng; tập huấn kỹ thuật sử dụng phân bón cho nông dân; cung cấp sản phẩm phân bón tận tay tới người nông dân dùng thử; ứng vốn bằng phân bón cho các hộ nông dân tại một số vùng miền.

Công ty có hệ thống phân phối phủ rộng các vùng (miền) trong nước, chủ yếu thông qua các khoảng 10 đại lý thương mại lớn nhất và có uy tín cao; trải rộng từ Nam ra Bắc, bao gồm vùng Đồng bằng Bắc Bộ và các tỉnh phía Bắc; miền Trung, Tây Nguyên và Nam Bộ. Công ty đồng thời thực hiện việc phân phối sản phẩm thông qua kênh phân phối thông qua các hợp tác xã, hội nông dân, hội phụ nữ, v.v.

Công ty cũng áp dụng các chính sách bán hàng mang tính hỗ trợ và linh hoạt, như các chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, hoàn toàn bảo đảm chất lượng của sản phẩm cho tới khi tới tay khách hàng.

#### 5.10 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

LOGO của Công ty được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ theo công văn số 13093/SHTT-NH1 ngày 24/4/2014 của Cục Sở hữu trí tuệ.



Trong những năm qua, Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển đã nghiên cứu và ứng dụng vào thực tế sản xuất kinh doanh hàng trăm giải pháp khoa học công nghệ; Trong đó có 6 giải pháp được Cục Sở hữu Trí tuệ cấp bằng Độc quyền Sáng chế, bằng Độc quyền Giải pháp hữu ích; Được Tổ chức Sở hữu Trí tuệ thế giới tặng Giải thưởng WIPO năm 2002, đó là:

- Bằng Độc quyền Sáng chế số 1991 cấp ngày 12/4/2001 về Lò cao sản xuất Phân lân nung chảy
- Bằng Độc quyền Giải pháp hữu ích số 265 cấp ngày 9/8/2001 với giải pháp Thiết bị và phương pháp sàng rửa phân loại nguyên liệu
- Bằng Độc quyền Giải pháp hữu ích số HI – 0030 cấp ngày 11/01/1991 với giải pháp Lò cao sản xuất phân lân nung chảy
- Bằng Độc quyền Giải pháp hữu ích số HI – 0031 cấp ngày 11/01/1991 với giải pháp Phối liệu đóng bánh quặng phốt phát
- Bằng Độc quyền Giải pháp hữu ích số HI – 0089 cấp ngày 25/11/1992 với giải pháp Phối liệu để sản xuất phân lân nung chảy
- Bằng Độc quyền Giải pháp hữu ích số HI – 0167 cấp ngày 30/8/1996 với giải pháp Lò cao sản xuất phân lân nung chảy

#### 5.11 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết



Bảng 10: Các hợp đồng lớn cung cấp sản phẩm cho đối tác đã ký kết/đang được thực hiện

STT	Tên khách hàng	Địa chỉ	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời gian thực hiện
1	Công ty TNHH Vật tư Nông nghiệp & Xây dựng Anh Thái	Hà Nội	Phân bón Văn Điển các loại	95.000	Năm 2015
2	Công ty cổ phần XNK Hà Anh	Hà Nội	Phân bón Văn Điển các loại	19.000	Năm 2015
3	Công ty TNHH Vật tư nông nghiệp Cường Liên	Thái Bình	Phân bón Văn Điển các loại	55.000	Năm 2015
4	Xí nghiệp kinh doanh và SX vật tư nông nghiệp Đà Nẵng	Đà Nẵng	Phân bón Văn Điển các loại	100.000	Năm 2015
5	Công ty kinh doanh tổng hợp VINACAFE Quy Nhơn	Bình Định	Phân bón Văn Điển các loại	30.000	Năm 2015
6	Doanh nghiệp Tư nhân Huy Thảo Nghĩa	Thành phố Hồ Chí Minh	Phân lân nung chảy Văn Điển	30.000	Năm 2015
7	Công ty TNHH Minh Tân	Đàklak	Phân bón Văn Điển các loại	230.000	Năm 2015
8	Công ty cổ phần XNK Hóa chất miền nam	Thành phố Hồ Chí Minh	Phân lân nung chảy Văn Điển	170.000	Năm 2015
9	Công ty TNHH Kiến Khoa	Thành phố Hồ Chí Minh	Phân lân nung chảy Văn Điển	21.000	Năm 2015
10	Công ty TNHH Một thành viên Phú Nông gia	Thành phố Hồ Chí Minh	Phân lân nung chảy Văn Điển	25.000	Năm 2015
<b>Tổng</b>				<b>775.000</b>	

Nguồn: CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển

**6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****6.1 Kết quả hoạt động kinh doanh**

Bảng 11: Kết quả HĐKD (đơn vị: tỷ đồng)



STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tăng/giảm 2013-2014 (%)	Quý 1-2015
1	Tổng tài sản	733,7	703,5	-4,1	602,7
2	Vốn chủ sở hữu	423,6	456,8	7,8	478,7
3	Doanh thu thuần	959,6	929,1	-3,2	404,8
4	Lợi nhuận từ HĐKD	109,6	87,6	-20,1	27,5
5	Lợi nhuận khác	1,9	21,6	1010,2	0,6
6	Lợi nhuận trước thuế	111,6	109,2	-2,1	28,2
7	Lợi nhuận sau thuế	83,7	85,2	1,8	21,9
8	Tỉ lệ lợi nhuận trả cổ túc	51,9%	51,0%	-	-
9	Tỉ lệ cổ tức trên mệnh giá	15%	15%	-	-
10	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế trên VCSH BQ	20,5%	19,3%	-	-

*Nguồn: CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển*

Trong cả năm 2014, doanh thu thuần đạt xấp xỉ 929 tỷ đồng, giảm nhẹ so với năm 2013 chủ yếu do giá bán giảm ở cả hai mặt hàng NPK và phân lân nung chảy; tuy nhiên lãi sau thuế của Công ty năm vừa qua lại tăng nhẹ (1,8%) so với năm 2013.

Trong năm 2014, Công ty đạt lợi nhuận sau thuế 85,2 tỷ, tăng 1,8% so với năm 2013 mặc dù sụt giảm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh là do có khoản lợi nhuận khác và chi phí thuế giảm đáng kể so với năm 2013. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2014 là 87,6 tỷ trong khi năm 2013 là 109,6 tỷ; lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2014 giảm 22 tỷ (tương đương 20,1%) so với năm 2013 do các nguyên nhân chính như sau:

- Giá bán các loại phân bón năm 2014 đều thấp hơn năm 2013 làm cho doanh thu năm 2014 giảm so với năm 2013 là 30,5 tỷ đồng (Doanh thu năm 2014 là 929,1 tỷ, năm 2013 là 959,6 tỷ) mặc dù sản lượng tiêu thụ năm 2014 tăng 10.744 tấn so với năm 2013;
- Cước phí vận tải tăng do Nhà nước ban hành các quy định nhằm siết chặt các phương tiện vận chuyển hàng hoá, hạn chế tối đa các phương tiện vận chuyển quá tải làm chi phí tăng đáng kể.

Khoản lợi nhuận khác trong năm 2014 ở mức 21,6 tỷ, tăng 19,7 tỷ so với năm 2013 chủ yếu là từ khoản hồi tố lại tiền thuê đất trong thời gian 2010-2013; cụ thể là tiền thuê đất từ



2010-2013 doanh nghiệp đã nộp 27,3 tỷ khi chưa có đơn giá thuê đất và trong năm 2014 chỉ cục thuế có đơn giá đất thì số tiền được giảm trừ cho giai đoạn trên là 8,3 tỷ. Bên cạnh đó, Công ty đã giảm được đáng kể chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp từ mức 25% xuống còn 22% trong năm 2014. Doanh thu tài chính và chi phí tài chính 2014 giảm là do tác động của mặt bằng chung lãi suất giảm sâu hơn trong năm qua; chi phí bán hàng có xu hướng tăng qua các năm do Công ty đẩy mạnh việc quảng bá sản phẩm nhằm đạt tăng trưởng trong doanh thu. Ngoài ra, cước phí vận tải tăng do Nhà nước ban hành các quy định nhằm siết chặt các phương tiện vận chuyển hàng hoá, hạn chế tối đa các phương tiện vận chuyển quá tải làm chi phí này tăng đáng kể. Nhìn chung, sản phẩm phân lân nung chảy có uy tín lâu năm trên thị trường với biên lợi nhuận gộp cao ở mức xấp xỉ 30% với mức doanh thu tăng, đã góp phần làm doanh thu và lợi nhuận của Công ty tăng trưởng khá tốt trong các năm 2013-2014 trong bối cảnh thị trường chịu áp lực giảm giá bán.

*\* Ý kiến kiểm toán trong báo cáo tài chính năm 2013:*

Trong báo cáo kiểm toán 2013, kiểm toán có điểm lưu ý đến Mục 2 “*Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*” trong *Bản thuyết minh báo cáo tài chính*. Do đặc thù sản xuất của Công ty nên mặc dù phương pháp tính giá trên không tuân thủ chuẩn mực kế toán nhưng không ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty”. Công ty đã giải trình và đã được đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Dịch vụ kiểm toán, kế toán & tư vấn thuế AAT xác nhận với ý kiến như sau:

- Theo quy định tại Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam: Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhiên liệu, động lực và chi phí chung phân bổ cho hàng tồn kho cuối kỳ.
- Trong BCTC kiểm toán 2013, nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho của Công ty chỉ bao gồm các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhiên liệu, động lực, còn các khoản chi phí khác như tiền lương và các khoản trích theo lương, chi phí bảo dưỡng, sửa chữa dây chuyền sản xuất được đưa hết vào giá trị hàng xuất bán trong kỳ. Mặc dù phương pháp tính giá này vẫn chưa tuân thủ chuẩn mực kế toán nhưng do đặc thù của Công ty là đơn vị sản xuất hóa chất phân bón, hàng năm đều phải sửa chữa bảo dưỡng dây chuyền sản xuất dù Công ty sản xuất nhiều hay ít. Tiền lương trả cho cán bộ nhân viên tính theo doanh thu trong kỳ nên việc kết chuyển toàn bộ tiền lương vào giá trị hàng xuất bán phù hợp giữa doanh thu và chi phí trong kỳ. Công ty đã áp dụng nhất quán phương pháp tính giá thành phẩm hàng tồn kho này từ nhiều năm, tuy



nhiên phương pháp xác định hàng tồn kho của Công ty như trên không ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty các năm. Ngoài phương pháp tính giá nêu trên, các báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 của Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật về trình bày báo cáo tài chính.

Hiện tại công ty đã thực hiện hạch toán khoản mục hàng tồn kho tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, căn cứ vào kết quả báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 đã được chấp nhận toàn bộ bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

## **6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo:**

### ***Thuận lợi:***

Là một doanh nghiệp với hơn năm mươi năm xây dựng và phát triển, CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển là một trong những doanh nghiệp có lịch sử lâu năm trong ngành với bề dày kinh nghiệm trong ngành sản xuất phân bón, với đội ngũ cán bộ kỹ sư có nhiều năm kinh nghiệm và tay nghề cao. Chất lượng sản phẩm là mối quan tâm hàng đầu của Công ty và cũng là nhân tố giúp giữ vững thị phần và mức độ uy tín của Công ty từ khi thành lập, kể cả trong những giai đoạn khó khăn chung của ngành. Bên cạnh đó, trong quá trình phát triển, Công ty luôn chú trọng việc cải tiến công nghệ sản xuất nhằm tăng năng suất và tăng cường khả năng bảo vệ môi trường.

Công ty đã tăng cường thực hiện linh hoạt chính sách bán hàng và quảng bá sản phẩm, đặc biệt đẩy mạnh các hình thức marketing, quảng bá sản phẩm trong năm 2014 nhằm duy trì doanh thu từ những khách hàng lâu năm và mở rộng thị phần tới các khách hàng tiềm năng. Trong năm 2013 và 2014, công ty đã thành công trong việc đẩy mạnh doanh thu phân lân nung chảy cho các tỉnh phía Nam và miền Trung, tỉ trọng doanh thu tiêu thụ phân lân đã tăng trưởng mạnh so với phân NPK trong năm 2014.

Trong bối cảnh lãi suất thay đổi trong những năm qua, Công ty có khả năng giảm thiểu tác động rủi ro về lãi suất do cơ cấu vốn không có nợ dài hạn, điều mà so với các doanh nghiệp cùng ngành phân bón đang chịu tác động lớn do dựa nhiều vào nguồn vốn vay, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất tư nhân.

Do nông nghiệp đang và sẽ là ngành chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của đất nước, tuy tốc độ tăng trưởng có giảm so với những năm gần đây, ngành sản xuất phân bón vẫn



giữ vững được vai trò hết sức quan trọng với mức tăng trưởng khá ổn định, tạo điều kiện cho sự phát triển cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong những năm tới.

Về mặt chính sách mang tính chất hỗ trợ ngành phân bón, trong năm 2013-2014 chính phủ đã ban hành một loạt các chính sách nhằm bảo vệ quyền lợi cho các nhà sản xuất phân bón trong nước trước sự cạnh tranh của bên ngoài, cụ thể như chính sách tăng thuế nhập khẩu cho mặt hàng Urê từ 0% lên 3% kể từ 1/1/2013 và tăng lên 6% từ tháng 10/2014; Nghị định 202/2013/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1/2/2014 do Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn ban hành quy định điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật, v.v cho việc sản xuất phân bón nhằm tiến tới giảm thiểu tối đa nguồn cung phân bón kém chất lượng trên thị trường.

**Khó khăn:**

Sự cạnh tranh trên thị trường phân bón gia tăng bao gồm việc tăng nguồn cung các sản phẩm thay thế/sản phẩm cùng loại trên thị trường do việc mở rộng sản xuất của các doanh nghiệp cùng ngành. Theo Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, tổng công suất sản xuất phân đạm trong năm 2014 lên tới 2,6 triệu tấn, khiến sản lượng urê trong nước dư thừa xấp xỉ 400.000 tấn. Bên cạnh đó, các sản phẩm nhập khẩu vào Việt Nam do các doanh nghiệp nhập khẩu (50% là từ Trung Quốc) trong năm 2014 đạt 3,93 triệu tấn, tuy giảm so với năm 2013 nhưng cũng gây áp lực lên thị trường trong nước; lượng nhập khẩu này chủ yếu là sản phẩm Urê và SA (SA là phân sunphat đạm, chứa 20-21% Nitơ nguyên chất và 29% lưu huỳnh). Nguồn cung phân bón trên cả nước còn bao gồm cả lượng phân bón kém chất lượng chủ yếu từ các tỉnh phía Nam hoặc nhập lậu từ các tỉnh phía Bắc. Những nhân tố này đã và đang gây ra tình trạng thừa cung, gây nên áp lực giảm giá phân bón trên toàn thị trường.

Một chính sách mới nhất được Bộ tài chính ban hành là Công văn số 17709/BTC-TCT có hiệu lực từ 1/1/2015 có liên quan đến việc chuyển mặt hàng phân bón từ danh mục chịu thuế GTGT 5% sang danh mục không chịu thuế. Theo các doanh nghiệp phân bón thì đây có lẽ là một khó khăn mới trong năm 2015 do các doanh nghiệp sẽ không được hoàn lại thuế giá trị gia tăng từ các nguồn nguyên liệu đầu vào, khiến cho chi phí bị đẩy lên và gây áp lực giảm lợi nhuận khi giá bán ở mức cạnh tranh. Một số đơn vị trong ngành đang có kiến nghị Bộ tài chính cho phép chuyển mặt hàng phân bón từ không phải chịu thuế GTGT sang chịu mức thuế GTGT bằng 0%.

Ngoài thị trường trong nước, Công ty có định hướng đẩy mạnh doanh thu xuất khẩu tới các thị trường nước ngoài trong thời gian tới. Tuy nhiên, do chưa có đủ điều kiện và khả năng



tiếp cận và đẩy mạnh thâm nhập vào các thị trường các nước, mảng xuất khẩu vẫn là một thách thức mà Công ty đang nỗ lực thực hiện.

Những nhân tố khó khăn này là nguyên nhân khiến hoạt động kinh doanh của Công ty có sự giảm sút trong năm 2014, tuy vậy nhờ có những thuận lợi nêu trên mà tác động tiêu cực đã được giảm thiểu một cách đáng kể.

## 7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### \* Vị thế của Công ty trong ngành

Là một trong những công ty có truyền thống trong lĩnh vực sản xuất phân bón trong nước, đặc biệt với thế mạnh là dòng sản phẩm phân lân nung chảy, Công ty đã và đang tạo được vị thế vững mạnh và uy tín của mình trên thị trường trong quá trình phát triển. Tại thị trường trong nước, là một trong khoảng 16 doanh nghiệp sản xuất phân bón lớn nhất, Công ty chiếm tỉ lệ thị phần khá cao về sản lượng tiêu thụ sản phẩm phân lân nung chảy và sản phẩm NPK. Các khách hàng lớn của Công ty tại khu vực miền Trung, Tây Nguyên và Nam Bộ là những khách hàng tiêu thụ lớn sản phẩm phân lân nung chảy; trong khi thị trường miền Bắc chủ yếu là đối tượng khách hàng tiêu thụ sản phẩm NPK. Công ty đang tập trung đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm NPK tại miền Trung, Tây Nguyên và Nam Bộ; đồng thời đẩy mạnh chất lượng sản phẩm phân bón chất lượng cao và thân thiện với môi trường.

Ưu thế lớn của Công ty trong ngành là việc gây dựng chỗ đứng trên thị trường với mạng lưới khách hàng lâu năm, góp phần làm nguồn doanh thu của Công ty ổn định. Công ty cũng đồng thời áp dụng những chính sách bán hàng linh hoạt và đảm bảo hoàn toàn về chất lượng sản phẩm đến tận tay khách hàng.

*Bảng 12: Các doanh nghiệp phân bón lớn trong nước*

STT	Tên	Sản phẩm	Công suất (tấn/năm)
1.	Tổng công ty phân bón và hóa chất dầu khí	Urê	800.000
2.	CTCP Supe photphat và Hóa chất Lâm Thao	Supe photphat	750.000
		Phân lân nung chảy	140.000
		NPK	700.000
3.	CTCP phân bón Bình Điền	NPK	500.000
4.	Tập đoàn quốc tế Năm Sao	NPK	300.000



		Phân bón tổng hợp	Na
		Phân bón chuyên dụng	Na
5.	Nhà máy đạm Cà Mau	Urê	800.000
6.	Nhà máy đạm Ninh Bình	Urê	560.000
7.	CTCP Phân bón miền Nam	Supê photphat	200.000
		NPK	300.000
8.	CTCP Phân lân Ninh Bình	Phân lân nung chảy	300.000
		NPK	150.000
9.	CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển	Phân lân nung chảy	300.000
		NPK	150.000
10.	Công ty phân bón Việt Nhật	NPK	350.000
11.	CTCP Phân bón & hóa chất Cần Thơ	NPK	300.000
12.	Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Urê	190.000
13.	Công ty TNHH một thành viên DAP	DAP	330.000
14.	Công ty Cổ phần Vật tư tổng hợp và Phân bón Hóa sinh	NPK	360.000
15.	Baconco	NPK	200.000
16.	CTCP Vật tư nông sản	NPK	150.000
		Supê photphat	200.000

*Nguồn: CTCP Vật tư nông sản & CTCP chứng khoán Sài Gòn*

**\* So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành**

Với thị trường gồm trên dưới 500 doanh nghiệp sản xuất phân bón lớn nhỏ, những doanh nghiệp có thể so sánh với hoạt động của VADFCO bao gồm Tổng công ty Phân bón và hóa chất dầu khí (DPM), Công ty cổ phần Supê và Hóa chất Lâm Thao (LAS), CTCP Phân bón Bình Điền, CTCP Phân bón Miền Nam hay khoảng 10 doanh nghiệp khác chiếm phần lớn nguồn cung trên thị trường. Tuy nhiên xét về quy mô và cơ cấu sản phẩm chính là NPK và phân lân nung chảy thì Công ty cổ phần Supê và Hóa chất Lâm Thao (LAS), CTCP Phân bón



Ninh Bình (NFC) và CTCP Phân bón miền Nam (SFG) có thể được đem ra tham khảo về tình hình hoạt động kinh doanh với Công ty.

*Bảng 13: Tình hình hoạt động so với với các công ty trong ngành*

Chi tiêu	Năm 2013				Năm 2014			
	LAS	NFC	SFG	VADFCO	LAS	NFC	SFG	VADFCO
<b>Về khả năng thanh toán</b>								
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,88	4,17	1,01	<b>2,10</b>	2,10	2,74	1,04	<b>2,52</b>
- Hệ số thanh toán nhanh	0,55	1,02	0,47	<b>0,97</b>	0,93	0,71	0,40	<b>1,23</b>
<b>Về cơ cấu vốn</b>								
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,50	0,22	0,71	<b>0,42</b>	0,44	0,35	0,63	<b>0,35</b>
- Hệ số Nợ/VCSH	0,98	0,29	2,47	<b>0,73</b>	0,77	0,53	1,67	<b>0,54</b>
<b>Về năng lực hoạt động</b>								
- Vòng quay hàng tồn kho	1,92	3,37	2,70	<b>2,15</b>	2,42	2,59	2,80	<b>2,13</b>
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	1,72	2,57	1,27	<b>1,36</b>	1,84	2,33	1,24	<b>1,29</b>
<b>Về khả năng sinh lời</b>								
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	9,37%	5,50%	4,37%	<b>8,72%</b>	8,80%	5,34%	4,55%	<b>9,17%</b>
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/VCSH BQ	34,29%	19,92%	20,47%	<b>20,55%</b>	30,25%	17,60%	17,26%	<b>19,36%</b>
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	16,13%	14,14%	5,55%	<b>11,90%</b>	16,15%	12,46%	5,64%	<b>11,86%</b>
- Hệ số Lợi nhuận	12,17%	6,27%	5,32%	<b>11,43%</b>	11,09%	6,49%	5,21%	<b>9,43%</b>



thuần từ hoạt động

kinh doanh

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013-2014 của VADFCO, BCTC kiểm toán năm 2013 và Báo cáo Q4-2014 của các công ty so sánh*

**\* Triển vọng phát triển ngành và sự phù hợp trong định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước:**

Là một nước nông nghiệp đang phát triển, Việt Nam có tiềm năng phát triển mạnh trong lĩnh vực phân bón để phục vụ cho ngành nông nghiệp, đặc biệt là để phục vụ các sản phẩm lúa gạo, cà phê, cao su v.v. Trong cơ cấu kinh tế năm 2014, ngành nông nghiệp chiếm khoảng 13,4%, so với khu vực công nghiệp và xây dựng (38,5%) và dịch vụ (43,38%) (theo Tổng cục thống kê 2014), vẫn tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng trong nền kinh tế của đất nước và theo đó tạo điều kiện cho ngành phân bón tiếp tục phát triển. Theo Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, nhu cầu phân bón cả nước năm 2014 là 11 triệu tấn các loại, cao hơn mức 10,3 triệu năm 2013; trong đó nhu cầu NPK là 4 triệu tấn và phân lân là 1,8 triệu tấn.

Tuy vậy, bên cạnh tiềm năng phát triển mạnh mẽ là những khó khăn cho ngành, cụ thể áp lực giảm giá do ảnh hưởng của giá thế giới do nguồn cung tăng vượt nhu cầu. Theo Hiệp hội ngành phân bón thế giới (IFA), giá phân bón thế giới có xu hướng giảm chủ yếu là do nguồn cung phân bón tăng mạnh; điều này khiến giá phân bón trong nước trong các năm tới dưới tác động của giá thế giới cũng sẽ có xu hướng giảm theo. Các nhà máy tại Mỹ là Dakota và Solagan được xây dựng và mở rộng với khả năng cung cấp cho thị trường khoảng 1,6 triệu tấn/năm. Các nhà máy sản xuất urê tại Bắc Phi và Trung Đông cũng đang được tăng công suất và phát triển công nghệ khiến sản lượng sẽ tăng thêm khoảng 2 triệu tấn. Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, tổng lượng sản xuất phân bón trong nước đạt mức 8 triệu tấn sẽ có thể đáp ứng đủ khoảng 80% lượng cầu trong năm 2014. Riêng về urê trong nước, sản lượng sản xuất trong nước năm 2014 do các nhà máy Đạm Phú Mỹ, Đạm Cà Mau, Đạm Hà Bắc, Đạm Ninh Bình dự kiến sẽ có thể đáp ứng cả nhu cầu xuất khẩu (Hiệp hội phân bón Việt Nam).

Tuy áp lực giảm giá phân bón gây ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và biên lợi nhuận của ngành trong thời gian tới, nhưng tiềm năng tăng trưởng của ngành vẫn khá tốt cùng với sự hỗ trợ của Chính phủ. Trong thời gian qua chính phủ đã có một loạt những chính sách nhằm bảo vệ nền sản xuất trong nước khỏi sự cạnh tranh của hàng nhập khẩu cũng như quản lý chặt



chẽ hơn nhằm giảm thiểu tình trạng phân bón giả kém chất lượng. Nghị định 202/2013/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1/2/2014 sẽ được thực thi nhằm hạn chế tình trạng sản xuất phân bón giả, kém chất lượng, gây thiệt hại cho những sản phẩm có chất lượng và uy tín. Ngày 30/09/2014, Bộ Công thương ban hành thông tư số 29/2014/TT-BCT có hiệu lực từ tháng 11/2014 nhằm hướng dẫn việc cấp phép sản xuất phân bón vô cơ & sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác tại Nghị định số 202 trước đó. Ngoài ra, Bộ tài chính đã thay đổi áp dụng mức thuế suất nhập khẩu Urê và DAP từ 0% lên 3% kể từ 1/1/2013 và tiếp tục tăng đến 6% từ tháng 10/2014, v.v.

Với mục tiêu Nhà nước đề ra là hướng tới việc giảm nhập khẩu sản phẩm phân bón trong tương lai, cụ thể là đến 2015 sẽ đáp ứng đủ nhu cầu trong nước và hướng đến xuất khẩu. Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển đang thực hiện đẩy mạnh sản xuất và cải tiến chất lượng, là bước đi đúng đắn và hoàn toàn phù hợp với chủ trương này. Ngoài ra, việc đẩy mạnh xuất khẩu của Công ty sẽ là bước đi chiến lược và đúng đắn trong bối cảnh nguồn cung phân bón thị trường trong nước trở nên dư thừa trong các năm tiếp theo.

Hiện tại, thị trường phân bón thế giới có xu hướng giảm giá nhưng tác động này lên mặt hàng phân lân nung chảy là ít hơn do chất lượng cũng như tính thân thiện với môi trường của sản phẩm. Đối với phân lân nung chảy Văn Điển, trong nhiều năm qua đã được xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới, kể cả những nước phát triển như Nhật, Úc, Hàn Quốc, Malaysia v.v. Sản phẩm phân lân Văn Điển với giá cả cạnh tranh và chất lượng tốt đã làm hài lòng những khách hàng ở các thị trường nước ngoài kể trên. Hiện tại, do công suất sản xuất phân lân nung chảy của Công ty đã ở mức tối đa nên để giữ thị trường trong nước, Công ty chưa thể đáp ứng được toàn bộ nhu cầu mua phân lân nung chảy Văn Điển của khách hàng nước ngoài mặc dù lợi nhuận và lượng hàng xuất khẩu cao hơn so với tiêu thụ trong nước.

Để đẩy mạnh xuất khẩu trong thời gian tới, Công ty đang triển khai dự án xây dựng nhà máy sản xuất phân lân nung chảy tại Thanh Hóa với công suất 500.000 tấn/năm với mục tiêu tập trung sâu hơn vào tiềm năng tăng trưởng tại các thị trường mới này. Dự kiến kế hoạch thực hiện bắt đầu từ cuối năm 2015, đầu năm 2016 theo tiến độ triển khai xây dựng nhà máy tại Thanh Hóa đã được cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 08/4/2015 phê duyệt (dự kiến từ Quý II/2015 đến quý IV/2016: xây dựng nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy công suất 300.000 tấn/năm; từ Quý II/2017 đến quý II/2018: mở rộng nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy nâng công suất lên 500.000 tấn/năm).



**8. Chính sách đối với người lao động**

*Phân loại lao động thời điểm 31/01/2015: tổng số 537 người*

*Bảng 14: Phân loại lao động*

	Số lượng	
	Nam	Nữ
<b>Phân theo trình độ học vấn</b>		
Trên đại học	0	0
Đại học	41	23
Cao đẳng & Trung cấp	110	45
Công nhân kỹ thuật - Cao đẳng nghề - Trung cấp nghề	234	32
Lao động phổ thông	34	10
Lao động khác	04	04
<b>Phân theo phân công lao động</b>		
Hội đồng quản trị/Ban Tổng giám đốc	03	0
Lao động quản lý	11	04
Lao động trực tiếp	368	54
Lao động gián tiếp, phục vụ	41	56
<b>Phân theo thời gian hợp đồng</b>		
Hợp đồng không xác định	365	103
Hợp đồng có thời hạn 3 năm	0	0
Hợp đồng 1 năm	58	11
Hợp đồng dưới 1 năm	0	0

*Nguồn: CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển*

Mức lương bình quân năm 2013 và bình quân năm 2014 (so sánh với mức lương bình quân của các DN khác trong cùng ngành, cùng địa bàn):

- Lương bình quân năm 2013: 12,1 triệu đồng/người/tháng
- Lương bình quân năm 2014: 12,3 triệu đồng/người/tháng
- Mức lương bình quân của các doanh nghiệp trên địa bàn Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội xấp xỉ năm 2013-2014 là 3 triệu triệu đồng/tháng; lương bình quân các đơn vị trong Tập đoàn Hóa chất Việt Nam là khoảng 7-8 triệu đồng/người/tháng.

Chế độ làm việc, hợp đồng lao động, chế độ thai sản, con nhỏ, nghỉ phép, nghỉ ốm, làm thêm giờ:



- Chế độ làm việc: 8h/ngày; từ 5,5 đến 6 ngày/tuần. Làm việc theo giờ hành chính bắt đầu 7h30 và kết thúc lúc 16h15. Công nhân trong dây chuyền sản xuất làm việc theo ca (ca 1 bắt đầu từ 7h, kết thúc lúc 15h; ca 2 bắt đầu 15h kết thúc 23h; ca 3 bắt đầu 23h và kết thúc lúc 7h).
- Hợp đồng lao động: Tất cả NLĐ làm việc trong công ty đều phải ký HĐLĐ theo một trong các loại hợp đồng sau: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn; Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng; Hợp đồng lao động theo thời vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời gian dưới 12 tháng.
- Các chế độ nghỉ ốm, thai sản: Thực hiện theo luật bảo hiểm xã hội.
- Các chế độ nghỉ phép, chế độ đối với lao động nữ, nuôi con nhỏ: Thực hiện theo quy định của bộ luật lao động và các thông tư hướng dẫn.
- Làm thêm giờ: Công ty huy động làm thêm giờ trong các trường hợp sửa chữa các thiết bị hư hỏng đột xuất; khắc phục thiên tai, hỏa hoạn, cần tăng sản lượng để đáp ứng thị trường hay yêu cầu của khách hàng hoặc các trường hợp cần thiết khác.
- Thời gian làm thêm và chế độ khi làm thêm giờ thực hiện theo quy định của Bộ luật lao động và các văn bản hướng dẫn khác của nhà nước.

Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

- Công ty xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực, cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật, v.v nhằm đáp ứng đủ nhân sự cho quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời cũng tạo điều kiện tối đa trong việc nâng cao trình độ và tay nghề của cán bộ bằng việc đào tạo và hỗ trợ nguồn kinh phí.
- Kinh phí đào tạo hàng năm để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và nâng cao tay nghề sẽ được Công ty chi trả toàn bộ nhằm khuyến khích việc nâng cao trình độ. Người lao động đi học theo yêu cầu công việc do Công ty cử đi thì những ngày đi học được hưởng lương theo quy chế trả lương của Công ty. Trong trường hợp người lao động tự đi học để nâng cao trình độ chuyên môn phục vụ cho công việc của mình thì tùy theo khả năng tài chính của Công ty sẽ được Công ty hỗ trợ một phần kinh phí.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

- Mức lương trung bình 2010-2014 Công ty chi trả cho mỗi cá nhân trung bình là 8,5 triệu đồng/tháng, khá cao so với các doanh nghiệp cùng ngành và trong địa bàn hoạt động.
- Cách trả lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác:



Cơ chế lương & thưởng gắn với kết quả kinh doanh, năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả của từng công việc và của từng người lao động. Đối với các cương vị có sản phẩm thì tiền lương được tính theo đơn giá sản phẩm; đơn giá sản phẩm được xây dựng trên cơ sở định mức lao động, cấp bậc công việc và năng suất của máy móc thiết bị. Đối với các cương vị phục vụ và gián tiếp không có sản phẩm thì tiền lương được tính trên cơ sở tiền lương bình quân của người lao động hưởng lương theo đơn giá sản phẩm.

Ngoài ra, hàng tháng, quý, năm căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh, Công ty thực hiện thưởng cho cán bộ công nhân viên để động viên người lao động đạt hiệu quả trên quỹ tiền lương Công ty.

Mức lương bình quân dự kiến năm 2015 từ 12,2 triệu đồng/tháng.

## 9. Chính sách cổ tức

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Tình hình chi trả cổ tức cho giai đoạn 2012-2014 của Công ty như sau:

Năm	Tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá	Hình thức	Tài liệu
2012	15%	Đã trả hết bằng tiền mặt	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2013 ngày 18/4/2013
2013	15%	Đã trả hết bằng tiền mặt	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2014 ngày 11/4/2014
2014	15%	Tiền mặt	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015 ngày 8/4/2015

## 10. Tình hình hoạt động tài chính

### 10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Trong năm 2013, khấu hao TSCĐ của Công ty theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa theo Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.



Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang chi phí trả trước dài hạn/ngắn hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn không quá 3 năm.

*Bảng 15: Khấu hao tài sản*

Tài sản	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	06-25
Máy móc thiết bị	05-10
Thiết bị văn phòng và tài sản khác	03-10
Phương tiện vận tải	06-07

*Nguồn: BCTC 2014, CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển*

- **Mức lương bình quân năm 2014:** 12,3 triệu đồng/tháng là mức khá cao so với mức trung bình của các doanh nghiệp trong địa bàn huyện Thanh trì và các công ty phân bón thuộc tập đoàn Hóa chất.

- **Thanh toán các khoản nợ đến hạn/các khoản phải nộp:** Công ty đã thực hiện thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn, các khoản phải nộp theo luật định một cách đầy đủ và đúng hạn theo quy định. Công ty không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 1 năm hay các khoản nợ đối với Công ty của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, kế toán trưởng, cổ đông lớn và những người có liên quan.

*Bảng 16: Các loại thuế (số dư cuối kỳ, đơn vị: VNĐ)*

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.915.812.432	3.429.427.736
Thuế thu nhập cá nhân	0	530.768.704
Thuế nhà đất và tiền thuê	13.914.503.760	0
Các loại thuế khác	3.906.000	12.663.000

*Nguồn: CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển*



Tại thời điểm cuối năm 2014, Công ty đã được hồi tố lại khoản tiền thuê đất cho giai đoạn 2010-2013 sau khi có đơn giá tính thuế từ Sở tài chính, khiến Công ty không còn nợ tiền thuế tại thời điểm 31/12/2014.

**- Trích lập các quỹ theo đúng Điều lệ và luật định**

Căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm, HĐQT Công ty đề xuất cho ĐHĐCĐ về việc trích lập các Quỹ từ lợi nhuận sau thuế, phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan của pháp luật.

*Bảng 17: Trích lập các quỹ (số dư cuối kỳ, đơn vị: VNĐ)*

Các quỹ của doanh nghiệp	Năm 2013	Năm 2014
Quỹ đầu tư phát triển	19.460.329.000	38.283.329.000
Quỹ dự phòng tài chính	9.124.729.000	13.091.429.000
Quỹ khác thuộc VCSH	6.454.100.000	10.420.800.000
<b>Tổng</b>	<b>35.039.158.000</b>	<b>61.795.558.000</b>

*Nguồn: CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển*

**- Công ty không sử dụng đòn bẩy tài chính:** không có khoản dư nợ vay ngắn hạn hay dài hạn nào trong các năm 2013-2014.

**- Tình hình công nợ hiện nay**

*Bảng 18: Khoản phải thu (số dư cuối kỳ, đơn vị: VNĐ)*

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
Phải thu khách hàng	3.692.158.520	1.864.950.494
Trả trước cho người bán	3.344.127.069	2.124.953.276
Các khoản phải thu khác	7.266.288.606	2.383.478.790
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-2.621.086.633	-2.356.810.633
<b>Tổng phải thu</b>	<b>11.681.487.562</b>	<b>4.016.571.927</b>

*Nguồn: CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển*

*Bảng 19: Khoản phải trả (số dư cuối kỳ)*

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
Phải trả người bán	66.339.187.800	64.226.791.036
Người mua trả trước	10.337.196.294	402.330.881
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	19.834.222.192	3.752.302.862
Phải trả NLĐ	34.949.031.709	31.500.372.682



Chi phí phải trả	9.365.460.794	9.403.680.952
Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	165.462.598.342	130.232.497.949
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.821.838.846	7.198.150.597
<b>Tổng khoản phải trả</b>	<b>310.109.535.977</b>	<b>246.716.126.960</b>

*Nguồn: CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển*

Trong danh mục khoản phải trả năm 2013 và 2014 của Công ty, mục khoản phải trả & phải nộp ngắn hạn khác chiếm tỷ trọng lớn nhất. Lý do là khoản mục này bao gồm tiền đặt cọc khi mua hàng của khách hàng và lãi mà Công ty phải trả dựa trên số tiền đặt cọc ban đầu.

## 10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

*Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính*

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,10	2,52
Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,97	1,23
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản	%	42,26	35,07
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	73,20	54,01
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho BQ)	Lần	2,15	2,13
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ)	Lần	1,36	1,29
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	8,72	9,17
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Vốn Chủ sở hữu BQ	%	20,55	19,36
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	11,90	11,86
Tỷ suất Lợi nhuận HỖSXKD/Doanh thu thuần	%	11,43	9,43

*Nguồn: CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển*

Chỉ số khả năng thanh toán của Công ty trong hai năm 2013-2014 ở mức khá cao, thể hiện bởi hệ số thanh toán ngắn hạn ở mức trên 2 lần. Hệ số thanh toán nhanh ở mức khoảng



0,95 đến 1,23 lần. Nhìn chung so với các công ty cùng ngành Công ty có khả năng thanh toán ở mức khá cao.

Về cơ cấu vốn, do không sử dụng đòn bẩy tài chính qua các khoản vay dài hạn nên Công ty có tỷ lệ nợ trên tổng tài sản chỉ ở mức thấp khoảng 42% trong năm 2013 và giảm còn xấp xỉ 35% trong năm 2014. Tỷ lệ này sẽ tăng lên trong tương lai khi Công ty tiến hành thực hiện dự án xây dựng nhà máy mới tại Bim Sơn do phải sử dụng nguồn vốn vay mới cho dự án.

Nhìn chung, chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho của Công ty ở mức trung bình so với các doanh nghiệp trong ngành.

Về khả năng sinh lời, tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần năm 2014 là 9,2%, tăng 0,5% so với năm 2013, chủ yếu là do khoản thu tương đương 19,7 tỷ từ việc hồi tố tiền thuê đất trong năm 2014 và chi phí thuế giảm đáng kể, đi kèm với doanh thu 2014 giảm nhẹ. Công ty có hệ số tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân trong hai năm qua ổn định ở mức xấp xỉ 11,9%.

#### 11. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

##### Danh sách Hội đồng quản trị:

1. Ông Lâm Thái Dương – Chủ tịch
2. Ông Hoàng Văn Tại – Thành viên kiêm Tổng giám đốc
3. Bà Nguyễn Thu Hằng – Thành viên
4. Bà Cán Thị Thu Hà – Thành viên
5. Ông Nguyễn Ngọc Thạch – Thành viên

<b>1. Họ và tên:</b>	<b>LÂM THÁI DƯƠNG – CHỦ TỊCH</b>
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	23/5/1960
Số CMND:	130889834 – cấp ngày 04/12/2006 tại Phú Thọ
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình
Địa chỉ thường trú:	Phòng 1405, nhà CT3B, khu đô thị Nam Cường, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Số điện thoại liên lạc:	0913029389
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Cơ điện



**Quá trình công tác**

+ Từ tháng 8/1983 đến tháng 8/2003:

+ Từ tháng 9/2003 đến tháng 12/2003:

+ Từ tháng 6/2009 đến tháng 01/2012:

+ Từ tháng 02/2012 đến tháng 12/2014:

+ Từ tháng 12/2014 đến nay:

Các chức vụ công tác hiện nay:

Số cổ phần nắm giữ  
- Số cổ phần sở hữu  
- Số cổ phần đại diện sở hữu cho  
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật

Các khoản nợ đối với Công ty

Thù lao và lợi ích liên quan đối  
với Công ty

**Chức vụ và Nơi công tác**

Đơn vị: Công ty Pyrit, tỉnh Phú Thọ.

Chức vụ: lần lượt giữ các chức vụ Phó phòng Cơ điện,  
Trưởng phòng Cơ điện, Phó Giám đốc Công ty,  
Phó Giám đốc Ban QLDA DAP Hải Phòng.

Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV DAP-  
VINACHEM.

Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV DAP-VINACHEM.

Hàm Trưởng ban Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Chủ tịch  
HĐTV Công ty TNHH MTV DAP-VINACHEM, Chủ tịch  
HĐQT Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển.

*Chức vụ tại tổ chức niêm yết (CTCP Phân lân nung chảy  
Văn Điển):* Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần  
Phân lân nung chảy Văn Điển

*Chức vụ tại tổ chức khác:*

- Hàm Trưởng Ban Tập đoàn Hóa chất Việt Nam  
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần DAP-  
VINACHEM.

7.838.992 (chiếm 27,06% vốn điều lệ)

0

7.838.992 (chiếm 27,06% vốn điều lệ)

Không

Không

Mức thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng  
năm; Lợi ích: không có

Người có liên quan đến Ông Lâm Thái Dương có nắm giữ cổ phiếu VADFCO:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần sở hữu
1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Đại diện phần vốn tại Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	19.428.375



<b>2. Họ và tên:</b>	<b>HOÀNG VĂN TÀI – THÀNH VIÊN</b>
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	15/8/1959
Số CMND	010412089 cấp ngày 04/8/2006 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
Địa chỉ thường trú:	121 B4, Khu đô thị Đại kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Số Điện thoại liên lạc:	0436884489/ 0912267663
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư hóa
<b>Quá trình công tác</b>	<b>Chức vụ và Nơi công tác</b>
+ Từ 1983 đến 1997	Làm việc tại Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển Chức vụ: Đốc công phân xưởng, Phó phòng kỹ thuật;
+ Từ 1997 đến 2006	Trưởng phòng kỹ thuật
+ Từ 2006 đến 2009	Phó Giám đốc Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 2010 đến nay:	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Số cổ phần nắm giữ	7.249.891 (25,02%)
- Số cổ phần sở hữu	6.527 (0,02%)
- Số cổ phần đại diện sở hữu cho Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	7.243.364 (25,00%)
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích liên quan đối với Công ty	Mức thù lao theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm; Lợi ích: không có

Người có liên quan đến Ông Hoàng Văn Tài có nắm giữ cổ phiếu VADFCO:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần sở hữu
1	Trương Thị Minh Chính	Vợ	35.738



2	Hoàng Đức Dũng	Con	72.800
2	Hoàng Thị Chinh	Em ruột	1.177
3	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Đại diện phần vốn tại Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	19.428.375

**3. Họ và tên:****NGUYỄN THU HÀNG – THÀNH VIÊN**

Giới tính:

Nữ

Ngày tháng năm sinh:

24/6/1978

Số CMND:

025178000038, ngày cấp 05/6/2014, nơi cấp: Cục Cảnh sát  
ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch:

Việt Nam

Dân tộc:

Kinh

Quê quán:

Phú Thọ

Địa chỉ thường trú:

Nhà 17, ngõ 34, đường Nguyễn Hồng, Đống Đa, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc:

0903291178

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác****Chức vụ và Nơi công tác**

+ Từ 4/2003 đến 3/2010

Công ty Vật tư và XNK Hóa Chất

Chức vụ: Chuyên viên

+ Từ 4/2010 đến nay

Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam

Chức vụ: Chuyên viên Ban Kế hoạch Kinh doanh

+ Từ 4/2014 đến nay

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân lân  
nung chảy Văn Điển

+ Chức vụ công tác hiện nay

- Chuyên viên Ban Kế hoạch Kinh doanh-Tập đoàn Hóa  
chất Việt Nam- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân lân  
nung chảy Văn Điển

Số cổ phần nắm giữ

4.346.019 (chiếm 15,00% vốn điều lệ)

- Số cổ phần sở hữu

0

- Số cổ phần đại diện sở hữu cho  
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

4.346.019 (chiếm 15,00% vốn điều lệ)

Hành vi vi phạm pháp luật

Không

Các khoản nợ đối với Công ty

Không



Thù lao và lợi ích liên quan đối  
với Công ty

Mức thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng  
năm; Lợi ích: không có

Người có liên quan với bà Nguyễn Thu Hằng có nắm giữ cổ phiếu VADFCO:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần sở hữu
1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Đại diện phần vốn tại Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển, Chuyên viên Ban Kế hoạch Kinh doanh	19.428.375

4. Họ và tên:		CÁN THỊ THU HÀ – THÀNH VIÊN
Giới tính:		Nữ
Ngày tháng năm sinh:		19/7/1972
Số CMND:		011810913, ngày cấp 29/7/2008, nơi cấp: Hà Nội
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Hà Nội
Địa chỉ thường trú:		Phòng 710, CT3A, X2 Bắc Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Số điện thoại liên lạc:		0915096650
Trình độ chuyên môn:		Kế toán
Quá trình công tác	Chức vụ và Nơi công tác	
+ Từ 1991 đến 2006:	Nhân viên Phòng Kinh tế, Công ty Phân lân Nung chảy Văn Điển	
+ Từ 2007 đến 2009	Nhân viên Phòng Kế toán, Công ty Phân lân Nung chảy Văn Điển	
+ Từ 2010 đến nay	Tổ trưởng tổ văn phòng, Phòng Tổ chức hành chính, Công ty cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	
+ Chức vụ công tác hiện nay	- Tổ trưởng tổ văn phòng, Phòng Tổ chức hành chính – CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển	
Số cổ phần nắm giữ	1.819 (chiếm 0,01% vốn điều lệ)	
- Số cổ phần sở hữu	1.819 (chiếm 0,01% vốn điều lệ)	
- Số cổ phần đại diện sở hữu	0	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không	



Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích liên quan đối với Công ty	Mức thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm; Lợi ích: không có
Người có liên quan đến bà Cán Thị Thu Hà có nắm giữ cổ phiếu VADFCO: không có	

<b>5. Họ và tên:</b>	<b>NGUYỄN NGỌC THẠCH – THÀNH VIÊN</b>
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	19/09/1963
Số CMND/Hộ chiếu:	164184799 ngày 20/2/2002 tại Ninh Bình
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Yên Bằng- Huyện Ý Yên – Tỉnh Nam Định
Địa chỉ thường trú:	Phường Bích Đào – TP. Ninh Bình. Tỉnh Ninh Bình
Số điện thoại liên lạc:	0913292072
Trình độ chuyên môn	Sỹ quan chỉ huy

<b>Quá trình công tác</b>	<b>Chức vụ và Nơi công tác</b>
+ Từ năm 1980 đến năm 1983	Đi bộ đội
+ Từ 1983-1987	Công ty Xây lắp Hóa chất
+ Từ 2001 đến nay	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty TNHH Hoàng Ngân
+ Từ 2010 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Chức vụ công tác hiện nay	- Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty TNHH Hoàng Ngân - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Số cổ phần nắm giữ	2.883.838 (chiếm 9,95% vốn điều lệ)
- Số cổ phần sở hữu	0
- Số cổ phần đại diện sở hữu	2.883.838 (chiếm 9,95% vốn điều lệ)
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích liên quan đối với Công ty	Mức thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm; Lợi ích: Công ty TNHH Hoàng Ngân là đối tác kinh doanh của VADFCO

Người có liên quan với ông Nguyễn Ngọc Thạch có nắm giữ cổ phiếu VADFCO:



STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần sở hữu
1	Công ty TNHH Hoàng Ngân	Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc	2.883.838

**Danh sách Ban kiểm soát:**

1. Ông Trần Quốc Cường – Trưởng ban
2. Ông Hồ Sỹ Tiến – Thành viên
3. Bà Nguyễn Hồng Hải – Thành viên

<b>1. Họ và tên:</b>	<b>TRẦN QUỐC CƯỜNG – TRƯỞNG BAN</b>
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	03/10/1983
Số CMND:	060644536 – cấp ngày 01/9/2006 tại Yên Bái
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Nga Quán, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Địa chỉ thường trú:	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội
Số điện thoại liên lạc:	0936893366
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
<b>Quá trình công tác</b>	<b>Chức vụ và Nơi công tác</b>
+ Từ 2005-2010	Công ty kiểm toán AASC, Chức vụ: Kiểm toán viên
+ Năm 2011	Công ty Kiểm toán VNAA, Chức vụ: Trưởng phòng Tư vấn
+ Từ 2012 đến 2013	Ban Tài chính Kế toán-Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Chức vụ: Chuyên viên
+ Từ 01/2014 đến nay	Ban Tài chính Kế toán-Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Chức vụ: Phó Phòng Kế toán-Ban Tài chính Kế toán
+ Từ 04/2012 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát-Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Chức vụ công tác hiện nay	- Phó Phòng Kế toán-Ban Tài chính Kế toán, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam - Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển



Số cổ phần nắm giữ:	0
Số cổ phần đại diện:	0
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích liên quan đối với Công ty	Mức thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm; Lợi ích: không có

Người có liên quan với ông Trần Quốc Cường có nắm giữ cổ phiếu VADFCO: không có

<b>2. Họ và tên:</b>		<b>HỒ SỸ TIÊN – THÀNH VIÊN</b>
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		30/3/1973
Số CMND:		012617940 – cấp ngày 07/10/2011 tại Hà Nội
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Xã Thăng Bình, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú:		103 C2, tập thể Đại học Kiến trúc, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Số điện thoại liên lạc:		0983693798
Trình độ chuyên môn:		Cử nhân kế toán
<b>Quá trình công tác</b>		<b>Chức vụ và Nơi công tác</b>
+ Từ 1993-2010		Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh. Chức vụ: cán bộ Phòng Kế toán Tài chính
+ Từ 2010 đến nay		- Phó Phòng KTTC – Công ty CP XNK Hà Anh - Thành viên Ban kiểm soát – Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Chức vụ công tác hiện nay		- Phó Phòng KTTC – Công ty CP XNK Hà Anh - Thành viên Ban kiểm soát – Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Số cổ phần nắm giữ:		0
Số cổ phần đại diện:		0
Hành vi vi phạm pháp luật		Không
Các khoản nợ đối với Công ty		Không

Thù lao và lợi ích liên quan đối với Công ty	Mức thù lao theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên hàng năm; Lợi ích: không có
--	--

Người có liên quan với ông Hồ Sỹ Tiên có nắm giữ cổ phiếu VADFCO: không có

<b>3. Họ và tên:</b>	<b>NGUYỄN HỒNG HẢI - THÀNH VIÊN</b>
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	09/05/1988
Số CMND:	031415999, ngày cấp 05/03/2003, nơi cấp: Hải Phòng
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Đồng Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
Địa chỉ thường trú:	Khu dân cư Bằng A, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Số Điện thoại liên lạc:	0436884489/0973581490
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kế toán

<b>Quá trình công tác</b>	<b>Chức vụ và Nơi công tác</b>
+ Từ 03/2010 đến 10/2014:	Làm việc tại Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển Chức vụ: nhân viên kế toán
+ Từ 11/2014 đến 12/2014:	Nhân viên phòng Tổ chức hành chính công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 05/12/2014 đến nay:	Phó phòng Tổ chức hành chính Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển
Chức vụ công tác hiện nay	Phó phòng Tổ chức hành chính Công ty, Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển
Số cổ phần nắm giữ	0
- Số cổ phần sở hữu	0
- Số cổ phần đại diện sở hữu	0
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích liên quan đối với Công ty	Mức thù lao theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên hàng năm; Lợi ích: không có

Người có liên quan với bà Nguyễn Hồng Hải có nắm giữ cổ phiếu VADFCO:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần sở hữu
-----	-----------	------------------------	-------------------



1	Nguyễn Thái Bình	Chồng	1.284
---	------------------	-------	-------

**Kế toán trưởng:** Bà Nguyễn Thị Hiền

<b>Họ và tên:</b>	<b>NGUYỄN THỊ HIỀN</b>
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	04/08/1972
Số CMND	011810805 – cấp ngày 11/3/2006 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội
Địa chỉ thường trú:	37B, BT2, bán đảo Linh Đàm, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Số Điện thoại liên lạc:	0436884489 / 0988757686
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế (kế toán)
<b>Quá trình công tác</b>	<b>Chức vụ và Nơi công tác</b>
+ Từ 1991 đến 2002:	Nhân viên kế toán, Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 2002 đến 2009:	Phó phòng kinh tế, Công ty phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 2010 đến 2012	Phó phòng Tài chính kế toán, phụ trách kế toán Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ tháng 7/2012 đến nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Chức vụ công tác hiện nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Số cổ phần nắm giữ	1.819 (chiếm 0,01% vốn điều lệ)
- Số cổ phần sở hữu	1.819 (chiếm 0,01% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu	0
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích liên quan đối với Công ty	Theo quy chế tiền lương của công ty; Lợi ích: không

Người liên quan với bà Nguyễn Thị Hiền:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần sở hữu
1	Nguyễn Văn Nam	Anh ruột	2.140

**Ban Tổng Giám Đốc:**

Ông Hoàng Văn Tại – Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT (Sơ yếu lý lịch đã nêu ở trên)

Ông Chu Văn Thước – Phó Tổng giám đốc

Ông Phạm Quang Trung – Phó Tổng giám đốc

<b>1. Họ và tên:</b>	<b>CHU VĂN THƯỚC – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC</b>
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	15/5/1961
Số CMND/Hộ chiếu:	011782172 – cấp ngày 08/6/2007 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú:	Khu đô thị Pháp Vân-Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Số Điện thoại liên lạc:	0436884489/ 0913510480
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư kinh tế
<b>Quá trình công tác</b>	<b>Chức vụ và Nơi công tác</b>
+ Từ 1985 đến 1987	Cán bộ Phòng Tổ chức lao động, Phòng kế hoạch Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 1987-1989	Quyền Trưởng Phòng Kế hoạch, Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 1989 đến 2001	Trưởng Phòng Kinh tế, Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 2001 đến 2009	Phó giám đốc Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 2010 đến 2014	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 2015 đến nay:	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Số cổ phần nắm giữ	2.568 (chiếm 0,01% vốn điều lệ)
- Số cổ phần sở hữu	2.568 (chiếm 0,01% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu	0



Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích liên quan đối với Công ty	Theo quy chế tiền lương của công ty; Lợi ích: không

Người có liên quan đến ông Chu Văn Thước có nắm giữ cổ phiếu VADFCO:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần sở hữu
1	Trần Thúy Hằng	Vợ	2.568

**2. Họ và tên: PHẠM QUANG TRUNG – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Gới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	30/11/1966
Số CMND/Hộ chiếu:	012450055 ngày 28/5/2001 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú:	Tập thể Phân lân Văn Điển, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội
Số Điện thoại liên lạc:	0436884489 / 0916880303
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí

<b>Quá trình công tác</b>	<b>Chức vụ và Nơi công tác</b>
+ Từ 1993 đến 1995	Kỹ sư cơ khí phân xưởng Lò cao, phân xưởng Sấy nghiền Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 1996 đến 2005	Phó quản đốc Phân xưởng lò cao, Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 2005 đến 2010	Quản đốc phân xưởng Lò cao, Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 12/2010 đến 03/2012	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 04/2012 đến 2014	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển

+ Từ 2015 đến nay	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Số cổ phần nắm giữ	1.712 (chiếm 0,01% vốn điều lệ)
- Số cổ phần sở hữu	1.712 (chiếm 0,01% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu	0
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích liên quan đối với Công ty	Theo quy chế tiền lương của công ty; Lợi ích: không

Người có liên quan đến ông Phạm Quang Trung có nắm giữ cổ phiếu VADFCO: không có

## 12. Tài sản

Tình hình tài sản: nhà xưởng, máy móc thiết bị chính, đất đai (theo bảng dưới đây):

*Bảng 21: Tình hình đất đai tính đến hiện tại*

STT	Địa điểm	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời điểm bắt đầu thuê	Thời hạn (năm)	Loại hình (thuê/mua)
1	Trụ sở, nhà xưởng và kho bãi tại Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	85.742	01/1996	20	Thuê
2	Các mảnh đất khác đang sử dụng:				
	- Dự án nhà máy phân bón NPK Thái Bình-Cụm CN Đồng Tu, Hưng Hà Thái Bình	25.000	11/2009	49	Thuê
	- Dự án nhà máy sản xuất phân bón tại khu B – khu công nghiệp Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa	233.898	06/2013	50	Thuê

*Nguồn: CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển*

## 13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

*Bảng 22: Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức*

Chỉ tiêu	Năm 2014 đã thực hiện (tỷ đồng,%)	Kế hoạch năm 2015 (tỷ đồng,%)	Tăng/giảm so với 2014 (%)
Doanh thu thuần	929,1	999,5	7,6



Lợi nhuận trước thuế	109,2	80,0	-26,7
Vốn điều lệ	289,7	289,7	0
Lợi nhuận sau thuế	85,2	62,4	-26,8
Vốn chủ sở hữu	456,8	387,3	-15,2
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	18,7%	15,7%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	9,2%	6,2%	-
Cổ tức tiền mặt trên mệnh giá	15%	10%	-

Nguồn: CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển

**- Căn cứ đạt được kế hoạch nói trên:**

Mục tiêu kế hoạch kinh doanh ở mức khá cần trọng mà Công ty đặt ra dựa trên tình hình kinh doanh dự kiến 2015 có khả năng giảm sút so với năm 2014, cụ thể như sau:

- Doanh thu và sản lượng bán ra ở các mặt hàng phân bón có khả năng giảm do áp lực giảm giá chung của thị trường.
- Các chi phí đầu vào tăng lên (giá điện, cước vận chuyển tăng; Nhà nước thay đổi chính sách thuế đối với phân bón - phân bón là mặt hàng không chịu thuế giá trị gia tăng nên Công ty không được khấu trừ thuế đầu vào).
- Lợi nhuận trước thuế năm 2014 là 109,2 tỷ, gồm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh là 87,6 tỷ và lợi nhuận khác là 21,6 tỷ (trong đó, lợi nhuận do Công ty được hồi tố tiền thuế đất là 19,6 tỷ). Dự kiến trong năm 2015, lợi nhuận khác không lớn (dự kiến không quá 2 tỷ do không còn phần hồi tố tiền thuế đất như trong năm 2014).

Tuy nhiên, với năng lực sản xuất và nguồn khách hàng ổn định, và dựa trên giá trị những hợp đồng đã ký được trong năm 2015, Công ty hoàn toàn có thể hoàn thành kế hoạch đặt ra trong năm 2015 trong điều kiện mục tiêu doanh thu lợi nhuận ở mức khiêm tốn như trên, trong điều kiện không có những biến động quá lớn xảy ra gây ảnh hưởng đến sản xuất toàn ngành. Công ty sẽ vẫn duy trì đẩy mạnh doanh thu cho sản phẩm chủ đạo của mình là phân lân nung chảy, với biên lợi nhuận khá ổn định và chất lượng tốt, chịu ít ảnh hưởng từ áp lực cạnh tranh từ các sản phẩm thay thế khác.

- **Kế hoạch tăng vốn:** Tính tới thời điểm hiện tại Công ty chưa có kế hoạch tăng vốn.

- **Kế hoạch đầu tư dự án:**



• **Dự án nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Bim Sơn, Thanh Hóa**

Căn cứ 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/4/2012 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 về việc thuê đất và lập dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón mới, chi tiết như sau:

Dự án	Tiến độ thực hiện đến năm 2015
- Xây dựng nhà máy sản xuất phân bón tại khu B – Khu công nghiệp Bim Sơn, Thanh Hóa (sản xuất phân lân nung chảy và NPK với công suất lần lượt là 500.000 và 200.000 tấn/năm)	- ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2012 đã giao Hội đồng quản trị thuê đất và lập dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón mới trình Đại hội đồng cổ đông;
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.	- Hội đồng quản trị đã hoàn thành việc thuê đất để xây dựng nhà máy sản xuất phân bón mới tại Bim Sơn, Thanh Hóa vào tháng 5/2013 sau khi đã được Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận đầu tư số 26221000137 ngày 16/01/2013;
- Tổng vốn đầu tư: 1.369.769.000.000 đồng (theo giấy chứng nhận đầu tư số 26221000137 ngày 16/01/2013 của Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa);	- Từ tháng 6/2013 đến tháng 3/2015; Hội đồng quản trị đã thực hiện xong giai đoạn chuẩn bị đầu tư và lập xong dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón mới tại Bim Sơn, Thanh Hóa;
- Kế hoạch huy động vốn: vốn tự có và vốn vay ngân hàng.	

Dự án đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 phê duyệt vào ngày 8/4/2015, dự kiến dự án hoàn thành vào năm 2018, hiệu quả của dự án như sau:

• ***Về mặt kinh tế, dự án có hiệu quả dựa trên các chỉ tiêu tài chính như sau:***

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
1	Giá trị hiện tại thực (NPV)	1.000 đồng	371.501.222.168	
2	Tỷ suất thu hồi vốn nội bộ (IRR)	%	16,32	Suất chiết khấu của dự án i = 11,05%
3	Thời gian thu hồi vốn giản đơn	năm	7,2	
4	Thời gian thu hồi vốn có chiết khấu	năm	11,2	
5	Điểm hòa vốn (BEP)	%	89,6	Tính tại năm thứ 5 kể từ khi đưa nhà máy đi vào vận hành



6	Hệ số trả nợ bình quân	Lần	1,90	Nếu chỉ tiêu này $\geq 1,2$ thì dự án được đánh giá là an toàn và khả thi. Nguồn vốn thực hiện dự án từ vốn tự có và vốn vay ngân hàng.
---	------------------------	-----	------	---

- Về mặt xã hội:**

Dự án sẽ đóng góp ngân sách nhà nước về thuế hàng năm, ngoài ra sẽ tạo ra việc làm và thu nhập ổn định cho khoảng 719 lao động trực tiếp tại địa phương.

Hạng mục	Giá trị cả đời dự án (20 năm) (VNĐ)
Thuế giá trị gia tăng	159.503.025.102
Thuế thu nhập doanh nghiệp	783.575.058.655
<b>Tổng</b>	<b>943.078.083.757</b>

- Dự án nhà máy phân bón NPK Thái Bình**

Dự án Nhà máy phân bón NPK Thái Bình được Tổng công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) giao cho Công ty phân lân nung chảy Văn Điển (nay là Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển) tại thông báo số 402/TB-ĐTĐD ngày 21/4/2006 của Tổng công ty Hóa chất Việt Nam.

Từ 01/01/2010; Công ty phân lân nung chảy Văn Điển đã được cổ phần hóa, chuyển thành Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển theo các Quyết định số 698/QĐ-HCVN ngày 31/12/2007 và số 722/QĐ-HCVN ngày 29/12/2008 của Tổng công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam).

Chi tiết dự án như sau:

Dự án	Tiến độ thực hiện đến năm 2015
- Xây dựng nhà máy sản xuất phân bón NPK Thái Bình. - Chủ đầu tư: + Từ tháng 6/2007 đến tháng 12/2009: Công ty phân lân nung chảy Văn Điển; + Từ tháng 01/2010 đến nay: Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển. - Tổng vốn đầu tư: 98.748.870.502 đồng (theo giấy	- Từ tháng 6/2007 đến tháng 01/2009: Dự án không triển khai được do không giải phóng được mặt bằng tại cụm công nghiệp Vũ Quý, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình sau khi được tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận đầu tư số 08121000013 ngày 18/4/2007 với vị trí xây dựng tại cụm công nghiệp Vũ Quý, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; - Từ tháng 02/2009, dự án chuyển sang địa điểm mới



chứng nhận đầu tư số 08121000096 ngày 05/02/2009 của tỉnh Thái Bình);

- Nguồn vốn: vốn tự có

tại cụm công nghiệp Đồng Tu, Hưng Hà, Thái Bình sau khi được tỉnh Thái Bình cấp được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 08121000096 ngày 05/02/2009 với địa điểm tại cụm công nghiệp Đồng tu, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (diện tích đất sử dụng: 25.000 m<sup>2</sup>);

- Từ tháng 02/2009 đến tháng 9/2010, dự án đã triển khai được khoảng 70% khối lượng xây dựng;

- Từ tháng 10/2010 đến tháng 02/2012, tỉnh Thái Bình đã hai lần thông báo thu hồi một phần đất của dự án (khoảng 5.000 m<sup>2</sup>) để làm đường. Cho đến nay, tỉnh Thái Bình vẫn chưa phê duyệt phương án đền bù cho Công ty và chưa ra quyết định thu hồi đất. Do đó, hiện nay Công ty vẫn chưa bàn giao phần đất mà tỉnh Thái Bình yêu cầu. Dự án hiện đang phải tạm dừng chờ quyết định thu hồi đất của tỉnh Thái Bình;

- Sau khi tỉnh Thái Bình có quyết định thu hồi đất chính thức; căn cứ vào diện tích đất còn lại của dự án và tình hình thực tế, Hội đồng quản trị Công ty sẽ lập phương án điều chỉnh dự án và trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Theo báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án hiện có (trước khi dự án bị tạm dừng), hiệu quả của dự án như sau:

• **Về mặt kinh tế:**

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
1	Giá trị hiện tại thực (NPV)	đồng	40.243.784.490	
2	Tỷ suất thu hồi vốn nội bộ (IRR)	%	25,85	
3	Thời gian thu hồi vốn	năm (tháng)	6 năm 10 tháng	
4	Điểm hòa vốn (BEP)	năm	91,32%	Tính trung bình mỗi năm trong cả đời dự án (15 năm)

Ghi chú:



Dự án này không có chỉ tiêu 6 (hệ số trả nợ bình quân) như dự án nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Thanh Hóa do nguồn vốn để thực hiện dự án này hoàn toàn từ vốn tự có, không có vốn vay ngân hàng.

- **Về mặt xã hội:**

Đóng góp ngân sách nhà nước hàng năm và tạo việc làm ổn định cho khoảng 117 lao động tại địa phương.

Hạng mục	Giá trị bình quân hàng năm (VNĐ)
Thuế giá trị gia tăng	3.669.354.989
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.538.180.323
<b>Tổng</b>	<b>13.207.096.382</b>
Đóng góp ngân sách nhà nước trong cả đời dự án (15 năm)	198.106.445.745

\*Chú ý: Các chỉ tiêu của toàn bộ dự án trên sẽ được tính toán lại sau khi dự án tiếp tục hoạt động trở lại.

#### 14. **Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty cổ phần chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) đã tiến hành thu thập các thông tin; nghiên cứu, phân tích và đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển. Căn cứ trên năng lực của Công ty dựa trên hiệu quả hoạt động sản xuất và triển vọng phát triển trong tương lai của ngành dựa trên sự phát triển chung của ngành nông nghiệp, nếu không có những biến động quá bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đặt ra trong 2015 có thể thực hiện được.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

#### 15. **Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:**

##### 15.1 **Kế hoạch thực hiện dự án nhà máy tại Bim Sơn, Thanh Hóa**



Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón tại khu B – khu công nghiệp Bim Sơn, Thanh Hóa phục vụ sản xuất phân lân nung chảy và NPK đã được phê duyệt trong ĐHCĐ thường niên ngày 8/4/2015. Dự án dự kiến sẽ được hoàn thành trong năm 2018. Chi tiết về dự án và tiến độ thực hiện đã được nêu trên tại mục 13, phần *kế hoạch đầu tư dự án*.

### 15.2 Kế hoạch thực hiện dự án nhà máy NPK Thái Bình

Công ty có kế hoạch xây dựng dự án nhà máy NPK Thái Bình và đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư ngày 05/02/2009, đến thời điểm 10/2010 dự án đã triển khai xây dựng được 70%. Tuy nhiên sau đó một phần đất của dự án bị tỉnh Thái Bình thu hồi khiến dự án phải tạm dừng cho tới thời điểm hiện tại. Chi tiết về dự án và tiến độ thực hiện được trình bày tại mục 13, phần *kế hoạch đầu tư dự án*.

### 16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết: Không có

## V CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá: 10.000 VNĐ
3. Tổng số chứng khoán niêm yết: 28.973.457 cổ phiếu
4. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:

*Bảng 23: Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng*

STT	Họ và tên	CP hạn chế chuyển nhượng	CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>Hội đồng quản trị</b>					
1	Lâm Thái Dương	0	0	0	0
	<i>Đại diện phần vốn NN</i>	0	7.838.992	7.838.992	27,06
2	Nguyễn Thu Hằng	0	0	0	0
	<i>Đại diện phần vốn NN</i>	0	4.346.019	4.346.019	15,00
3	Hoàng Văn Tạt	6.527	0	6.527	0,02
	<i>Đại diện phần vốn NN</i>	0	7.243.364	7.243.364	25,00
4	Nguyễn Ngọc Thạch	0	0	0	0



	<i>Đại diện phần vốn cho Cty</i>	2.883.838	0	2.883.838	9,95
	<i>TNHH Hoàng Ngân</i>				
5	Cần Thị Thu Hà	1.819	0	1.819	0,01
	<b>Ban Tổng Giám Đốc</b>				
1	Hoàng Văn Tại	6.527	0	6.527	0,02
	<i>Đại diện phần vốn NN</i>	0	7.243.364	7.243.364	25,00
2	Chu Văn Thuộc	2.568	0	2.568	0,01
3	Phạm Quang Trung	1.712	0	1.712	0,01
	<b>Ban Kiểm Soát</b>				
1	Trần Quốc Cường	0	0	0	0
2	Hồ Sỹ Tiến	0	0	0	0
3	Nguyễn Hồng Hải	0	0	0	0
	<b>Giám Đốc Tài chính</b>				
	(không có)				
	<b>Kế toán trưởng</b>				
1	Nguyễn Thị Hiền	1.819	0	1.819	0,01
	<b>Người được ủy quyền</b>				
	<b>CBTT</b>				
1	Nguyễn Thị Sen	0	0	0	0
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.898.283</b>	<b>19.428.375</b>	<b>22.326.658</b>	<b>77,07</b>

*Nguồn: CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển*

Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán có quy định: Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.



**5. Phương pháp tính giá:**

Việc định giá giá trị cổ phiếu của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển dựa trên 3 phương pháp là: Giá trị sổ sách; P/E (Price/Earnings – Hệ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân mỗi cổ phần) và P/B (Price/Book value - Hệ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách của mỗi cổ phần), so sánh với 3 doanh nghiệp cùng ngành đã niêm yết trên hai Sở GDCK là LAS, NFC và SFG. Đây là 3 công ty có cùng cơ cấu sản phẩm phân bón gồm có phân lân nung chảy, NPK, supe lân và đều là những công ty chiếm thị phần lớn trên thị trường phân bón. Tuy nhiên do có giá trị tài sản cố định vô hình lớn nên SFG sẽ không được dùng để so sánh tính giá của VADFCO.

Mã chứng khoán	Tên Công ty	Sàn Giao dịch
LAS	CTCP Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	HNX
NFC	CTCP Phân lân Ninh Bình	HNX

**Phương pháp P/E**

	LAS	NFC	VADFCO
Số lượng CP bình quân 2014	77.832.000	10.487.551	28.973.457
Lợi nhuận 2014 (tr VNĐ)	438.787	36.468	85.210
EPS 2014 (VNĐ)	5.638	3.477	2.941
Giá cổ phiếu tại 24/04/2015 (VNĐ)	33.400	29.200	-
P/E	5,9	8,4	-
<b>P/E bình quân: 7,2</b>			

*\*nguồn: BCTC 2014 kiểm toán của VADFCO và Báo cáo quý 4-2014 của các công ty*

Chỉ số P/E bình quân của hai doanh nghiệp cùng ngành là 7,2 lần.

Do đó dựa vào phương pháp P/E, giá dự kiến cho cổ phiếu của VADFCO như sau:

Giá dự kiến = EPS x P/E = 2.941 x 7,2 = 21.175 đồng

Như vậy, giá một cổ phần của VADFCO tính theo phương pháp P/E là **21.175 đồng**.

**Phương pháp Giá trị sổ sách**

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2014 của VADFCO được tính như sau:



Vốn chủ sở hữu tại ngày  
31/12/2014 – Tài sản vô hình  
31/12/2014 456.766.034.259

Giá trị sổ sách =  $\frac{456.766.034.259}{28.973.457}$  = **15.765 đồng/cp**

Số lượng cổ phiếu bình quân  
2014

**Phương pháp P/B**

	LAS	NFC	VADFCO
VCSH ngày 31/12/2014 (tr đồng)	1.496.083	210.298	456.821
Tài sản vô hình 31/12/2014 (tr đồng)	2.386	0	55
Số lượng CP lưu hành BQ năm 2014	77.832.000	10.487.551	28.973.457
Giá trị sổ sách tại 31/12/2014 (VNĐ/cp)	19.191	20.052	15.765
Giá CP tại 24/04/2015 (VNĐ/cp)	33.400	29.200	-
P/B	1,7	1,5	-
P/B bình quân: <b>1,6</b>			

\*nguồn: BCTC 2014 kiểm toán của VADFCO và Báo cáo quý 4-2014 của các công ty

Chỉ số P/B bình quân của hai doanh nghiệp cùng ngành là 1,6 lần. Do đó dựa vào phương pháp P/B, giá dự kiến cho cổ phiếu của VADFCO như sau:

Giá dự kiến = P/B bình quân x Giá trị sổ sách = 15.765 x 1,6 = 25.224 đồng/cổ phiếu

Như vậy, giá một cổ phần của VADFCO tính theo phương pháp P/B là **25.224 đồng/cổ phiếu**.

=> Dựa trên bình quân trọng số của 3 phương pháp tính giá nêu trên, Công ty có được mức giá tham khảo như sau:

	Giá	Trọng số	Giá x Trọng số
Phương pháp P/E	21.175	1/3	7.058
Phương pháp P/B	25.224	1/3	8.408
Giá trị sổ sách	15.765	1/3	5.255
Giá bình quân	<b>20.721</b>		



Dựa trên kết quả của 3 phương pháp tính giá trên và sự cân nhắc của Ban lãnh đạo, Công ty đã thống nhất đưa ra mức giá **20.000 đồng/cổ phiếu** làm giá niêm yết dự kiến của Công ty.

**6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Điều lệ của Công ty không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài; tuy nhiên theo Quyết định 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty đại chúng. Do vậy, nhà đầu tư nước ngoài chỉ được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của VADFCO.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 05/03/2015, Công ty không có cổ đông nước ngoài nào trong cơ cấu cổ đông.

**7. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến chứng khoán niêm yết)**

Công ty đang chịu các loại thuế theo luật định như: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế sử dụng đất, thuế xuất nhập khẩu, thuế môn bài. Các cổ đông sẽ chia sẻ các loại thuế này khi nắm giữ cổ phiếu Công ty, ngoài ra cổ đông còn chịu thêm thuế thu nhập cá nhân khi có thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu.

## **VI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**

**TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Trụ sở chính: Lầu 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 3823 3299 Fax: 08 3823 3301

Chi nhánh Hà Nội: Tầng 4&5, Tòa nhà 66A Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04 3933 4693 Fax: 04 3933 4822

Website: [www.hsc.com.vn](http://www.hsc.com.vn)

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**



Trụ sở chính: Số 160, Phố Phương Liệt, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04 38689566

Fax: 04 38686248

Website: <http://www.kiemtoanava.com.vn>

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN & TƯ VẤN THUẾ AAT**

Trụ sở chính: P.2407 nhà 34T – Khu ĐTM Trung Hòa Nhân Chính, Đường Hoàng Đạo Thúy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04 2221 0082

Fax: 04 2221 0084

## VII PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận ĐKKD

Phụ lục 2: Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết (năm 2013, 2014 và 2015)

Phụ lục 3: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết

Phụ lục 4: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013, 2014 và quý 1-2015

Phụ lục 5: Các giải trình khác

Phụ lục 6: Các văn bản pháp luật có liên quan đến tổ chức niêm yết

STT	Tên tài liệu
<b>I.</b>	<b>Quy định chung</b>
1.	Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005
2.	Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 16/11/2014 có hiệu lực từ 1/7/2015
<b>II.</b>	<b>Văn bản liên quan đến lĩnh vực chứng khoán</b>
1.	Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 chỉnh sửa bổ sung luật chứng khoán số 70/2006/QH11
2.	Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán
3.	Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
4.	Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 09 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán



<b>III.</b>	<b>Văn bản liên quan đến lĩnh vực kinh doanh sản xuất phân bón</b>
1.	Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07/10/2003 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón
2.	Nghị định 163/NĐ-CP ngày 31/12/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp
3.	Thông tư số 36/2010/TT-BNNPTNT ngày 24/06/2010 của Bộ NN và PT Nông thôn về Quy định sản xuất, kinh doanh và sử dụng phân bón



Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2015

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH****CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÂN LÂN NUNG CHẤY VĂN ĐIỂN**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Lâm Thái Dương**

Trưởng Ban Kiểm Soát

**Trần Quốc Cường**

Tổng Giám Đốc

**Hoàng Văn Tại**

Kế Toán Trưởng

**Nguyễn Thị Hiền****ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN****CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH**

Giám Đốc Chi Nhánh Hà Nội

**Bạch Quốc Vinh**